



LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA TRONG LUẬT QUỐC TẾ

cuu duong than cong. com

LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA TRONG LUẬT QUỐC TẾ

cuu-duong-than-cong.com

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

cuu-duong-than-cong.com

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

Lý do nghiên cứu

1

- không chỉ là vấn đề riêng của một nước mà nó còn có liên quan thiết thực đến quyền và lợi ích của các quốc gia khác.
- Không một quốc gia nào được phép tự ý thiết lập đường biên giới mà không có sự thoả thuận của các quốc gia láng giềng.

2

- Lãnh thổ biên giới là của quốc gia, nhưng nó cũng là một bộ phận không thể tách rời của môi trường chung của cộng đồng quốc tế.

Nội dung điều chỉnh

- Xác lập lãnh thổ quốc gia;
- Xây dựng quy chế pháp lý cho các vùng lãnh thổ.
- Xác định quy chế giải quyết tranh chấp về biên giới, lãnh thổ giữa các quốc gia.

Nguồn luật điều chỉnh

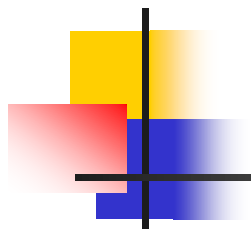
Điều ước quốc tế song phương, đa phương:

- Hiến chương Liên Hợp Quốc
- Công ước 1982 về Luật Biển
- Các hiệp định về biên giới giữa các nước với nhau



Ví dụ:

- Hiệp định về biên giới trên bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc năm ngày 30/12/1999
- Hiệp định phân định Vịnh Bắc bộ ngày 25/12/2000.



I. LÃNH THỔ QUỐC GIA

cuu duong than cong. com

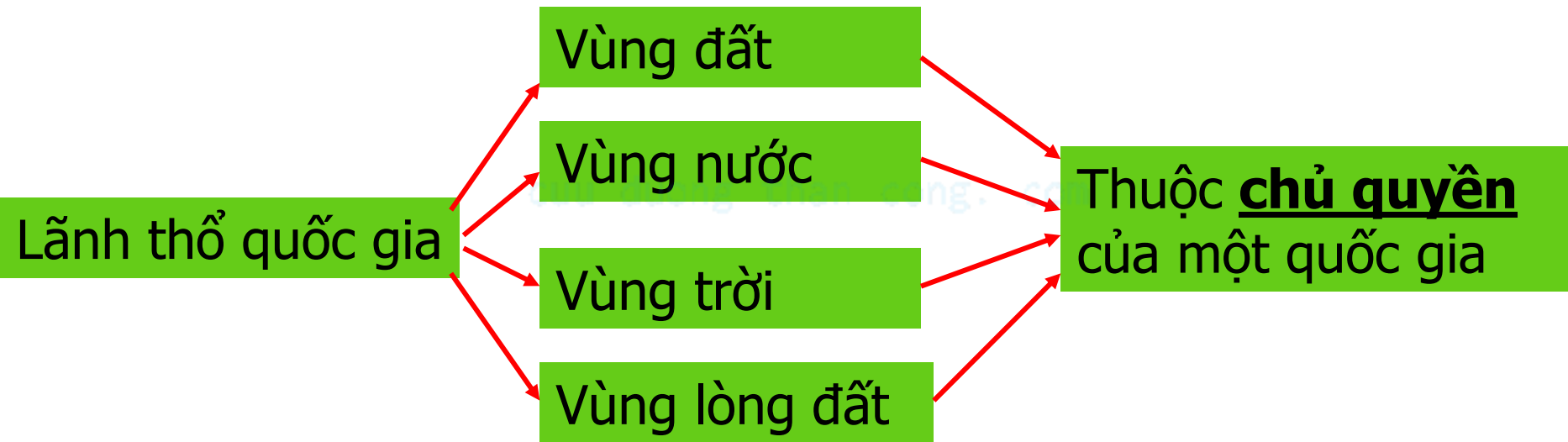


A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

I-Lãnh thổ quốc gia

1. Khái niệm

a. Định nghĩa



A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

I-Lãnh thổ quốc gia

1. Khái niệm

- Chủ quyền:
 - Chủ quyền hoàn toàn tuyệt đối.
 - Chủ quyền hoàn toàn đầy đủ.

cuu duong than cong. com

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

I-Lãnh thổ quốc gia

1. Khái niệm

- Chủ quyền hoàn toàn tuyệt đối của quốc gia đối với lãnh thổ là việc quốc gia là chủ thể duy nhất có toàn quyền quyết định một vấn đề gì đó liên quan đến lãnh thổ của mình, không một chủ thể nào khác có quyền can thiệp hay xâm phạm chủ quyền này.

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

I-Lãnh thổ quốc gia

1. Khái niệm

- Chủ quyền hoàn toàn đầy đủ là chủ quyền của quốc gia đối với một vùng lãnh thổ nhất định, trong đó, thẩm quyền của quốc gia bị hạn chế phần nào do việc thực hiện quyền của các quốc gia khác trên vùng lãnh thổ đó.

1. Khái niệm

b. Ý nghĩa

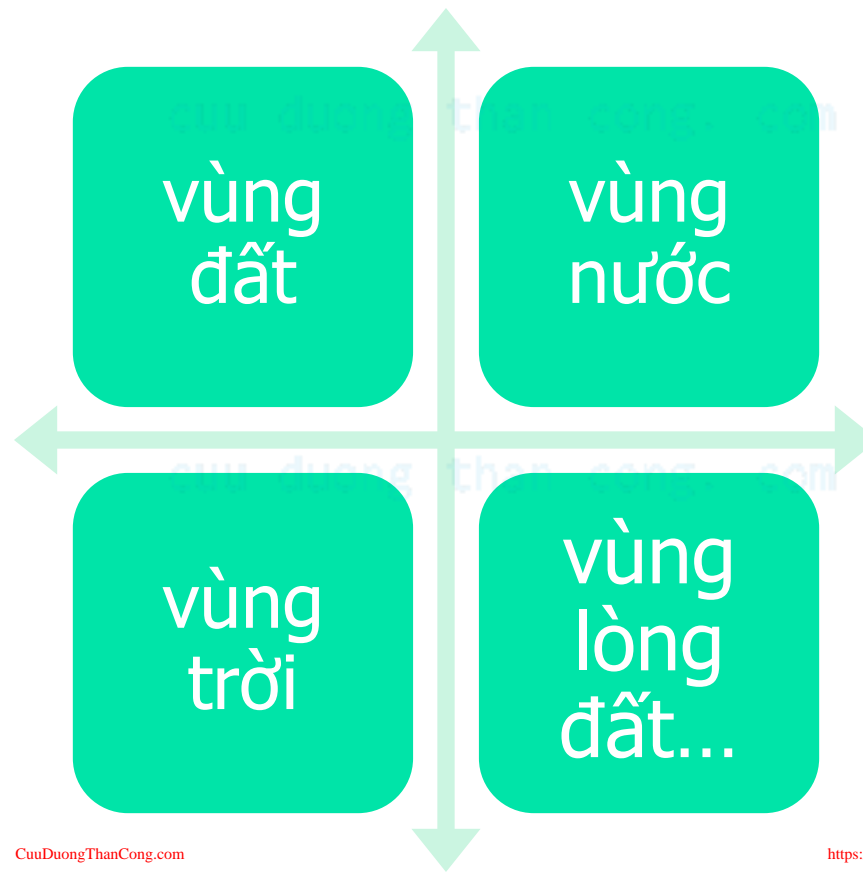
- Lãnh thổ quốc gia là cơ sở vật chất cần thiết cho sự ra đời, tồn tại và phát triển của quốc gia - chủ thể của Luật quốc tế.
- Lãnh thổ quốc gia xác định một không gian quyền lực của quốc gia đối với một cộng đồng dân cư ổn định.

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

I-Lãnh thổ quốc gia

2. Các bộ phận lãnh thổ quốc gia

Lãnh thổ quốc gia có 4 bộ phận tự nhiên cấu thành:



A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

I-Lãnh thổ quốc gia

2. Các bộ phận lãnh thổ quốc gia

a.Vùng đất

- Vùng bao gồm toàn bộ đất liền và các hải đảo của quốc gia. (Bao gồm cả đảo gần bờ và đảo xa bờ).
- Vùng đất là quan trọng nhất, là nơi chủ yếu quốc gia thực hiện chủ quyền của mình.
- Là nơi xuất phát của chủ quyền quốc gia đối với vùng nước, vùng trời và vùng lòng đất.

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

I-Lãnh thổ quốc gia

2. Các bộ phận lãnh thổ quốc gia

a.Vùng đất

- Trường hợp quốc gia quần đảo như Indonesia, Philippin... thì vùng đất của quốc gia là tập hợp các đảo thuộc chủ quyền của quốc gia đó.

cuu duong than cong. com



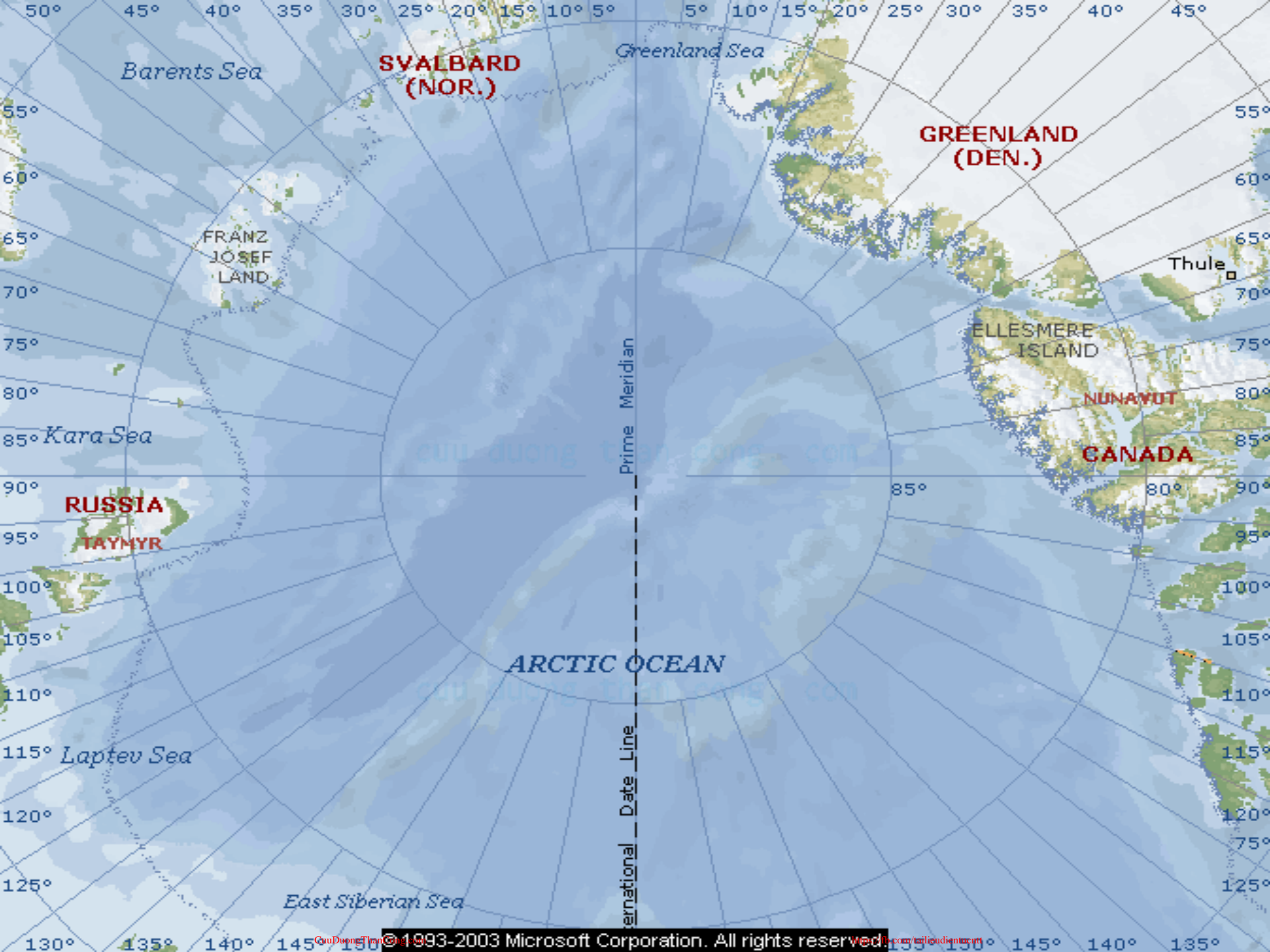
A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

I-Lãnh thổ quốc gia

2. Các bộ phận lãnh thổ quốc gia

a.Vùng đất

- Thuyết lãnh thổ kế cận (Res nullius): khi một quốc gia có chủ quyền trên một lãnh thổ, quốc gia đó cũng sẽ có chủ quyền trên những vùng lãnh thổ vô chủ kế cận những quốc gia có đường biên giới giáp với Bắc Cực sẽ có chủ quyền đối với một bộ phận của Bắc cực là hình rẻ quạt mà tâm là đỉnh Bắc cực và đáy chính là lãnh thổ của quốc gia đó



SVALBARD
(NOR.)

Greenland Sea

GREENLAND
(DEN.)

FRANZ
JOSEF
LAND

Thule

ELLESMERE
ISLAND

NUNAVUT
CANADA

RUSSIA
TAYMYR

ARCTIC OCEAN

Prime Meridian
International Date Line

Kara Sea

Laptev Sea

East Siberian Sea

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

I-Lãnh thổ quốc gia

2. Các bộ phận lãnh thổ quốc gia

a.Vùng đất

- Trường hợp “Lãnh thổ kín”, “lãnh thổ hải ngoại”.
 - Le-xô-thô nằm gọn trong lòng Nam Phi
 - Đảo Falkland Is Stanley ở gần cực Nam của châu Mỹ là lãnh thổ của nước Anh.
 - French Guiana thuộc Pháp nằm ở phía Bắc Brazil



South America

80° 60° 40°

Atlantic Ocean

0°

20°

40°

20°

South Atlantic Ocean

Caracas

Venezuela

Georgetown

Paramaribo

Guyana

Cayenne

French Guiana (France)

Suriname

Amazon R.

Negro R.

Orinoco R.

Magdalena R.

Bogotá

Colombia

Quito

Ecuador

Marañon R.

Ucayali R.

Lima

Peru

Lago Titicaca

La Paz

Bolivia

Xingu R.

Tocantins R.

São Francisco R.

Brasília

Brazil

Paraná R.

Asunción

Paraguay

Montevideo

Uruguay

Buenos Aires

Argentina

Santiago

Chile

Strait of Magellan

Falkland Is. (UK)

Stanley

Cape Horn

0 500 km

0 500 nautical miles

©1997 MAGELLAN GeographixSM (805) 685-9100 www.maps.com

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

I-Lãnh thổ quốc gia

2. Các bộ phận lãnh thổ quốc gia

a.Vùng đất

- Tính chất chủ quyền: Vùng đất thuộc **chủ quyền hoàn toàn và tuyệt đối** của quốc gia.

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

I-Lãnh thổ quốc gia

2. Các bộ phận lãnh thổ quốc gia

b.Vùng nước

- Vùng nước là toàn bộ phần nước nằm phía trong đường biên giới quốc gia.

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

I-Lãnh thổ quốc gia

2. Các bộ phận lãnh thổ quốc gia

b.Vùng nước

- *Vùng nước nội địa*



Chủ quyền **hoàn toàn tuyệt đối**

- *Vùng nước nội thủy*

- *Vùng nước biên giới*



Chủ quyền **hoàn toàn đầy đủ**

- *Vùng nước lãnh hải*

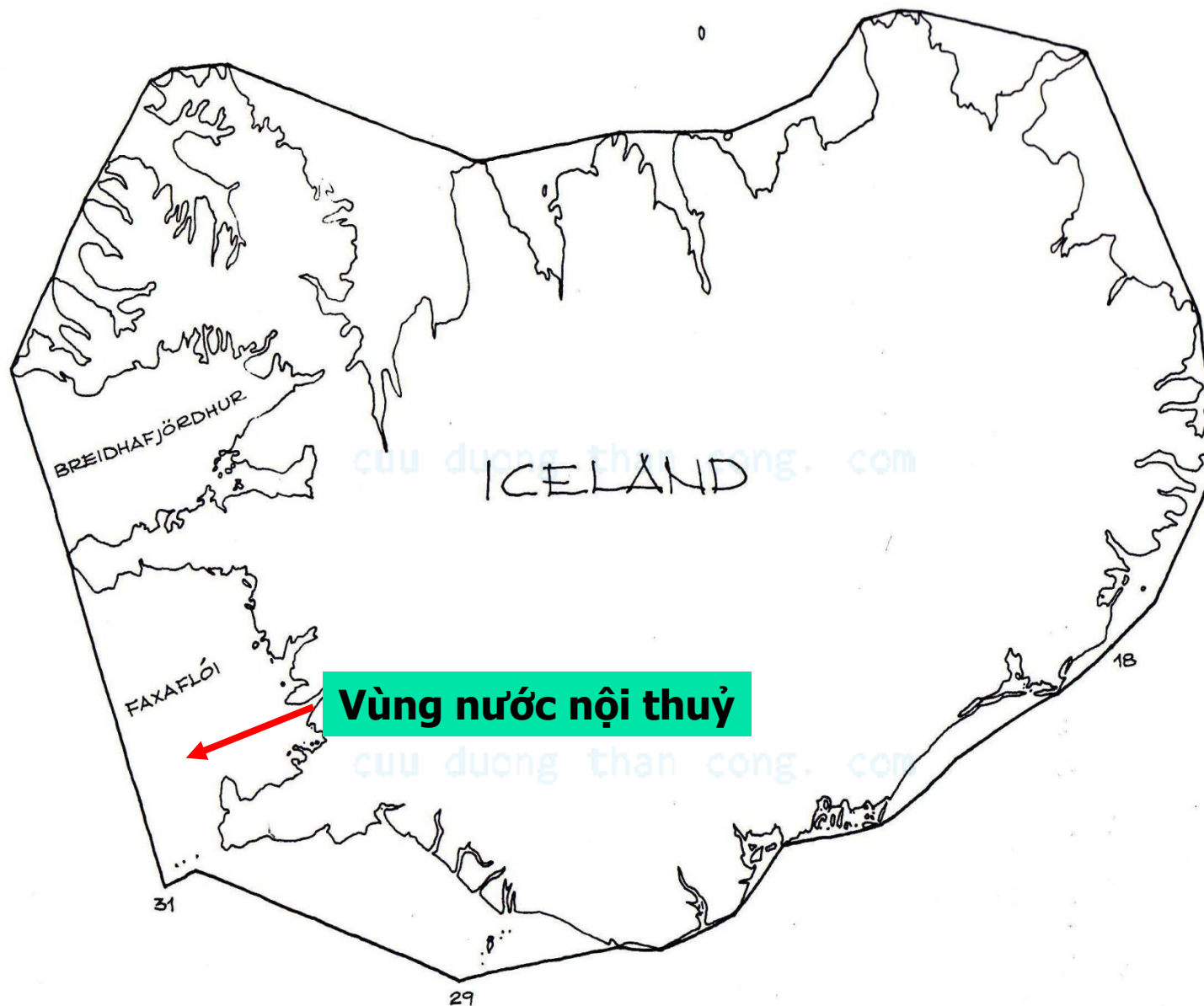


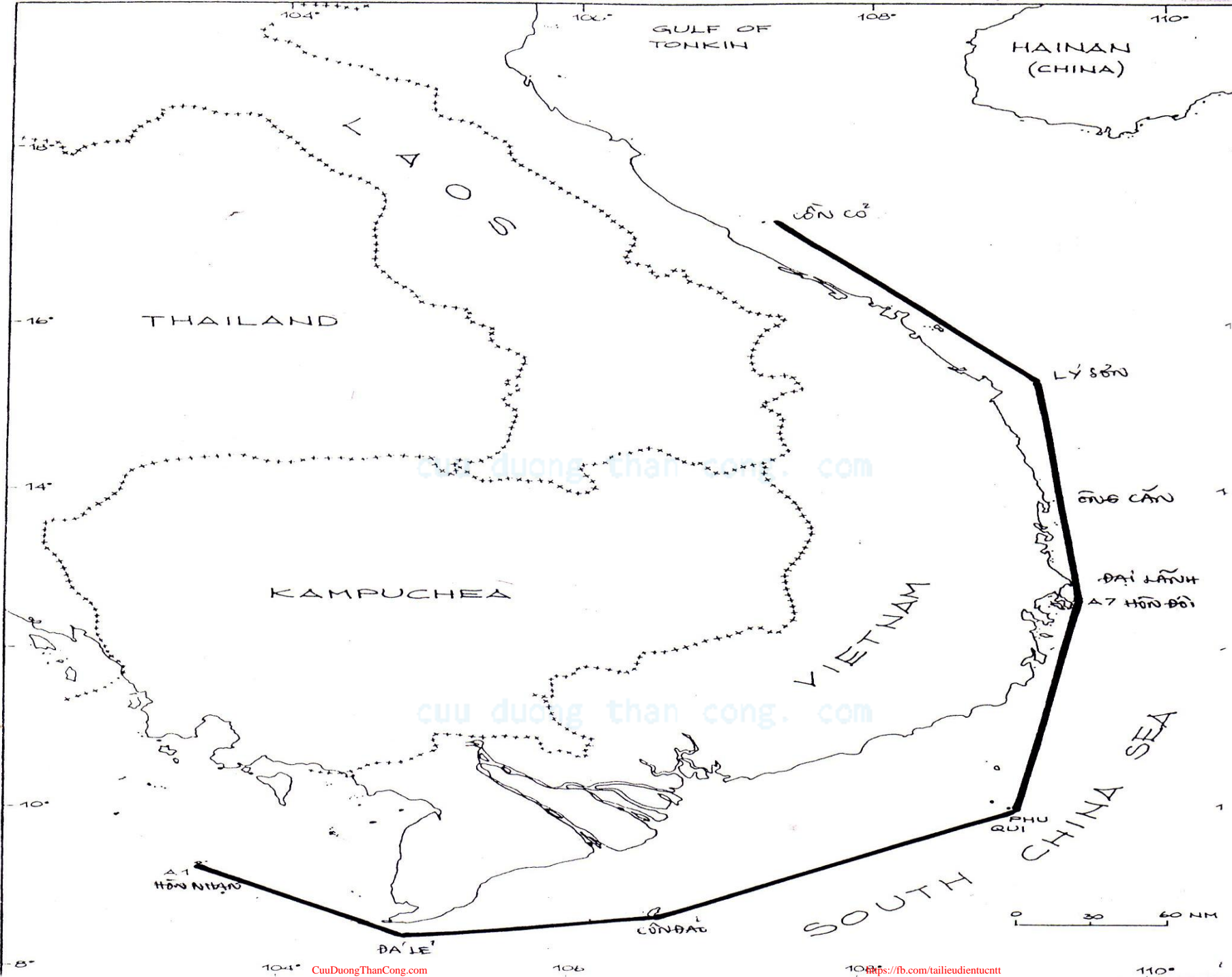
Vùng nước nội địa



Vùng nước biên giới

DENMARK STRAIT







A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

I-Lãnh thổ quốc gia

2. Các bộ phận lãnh thổ quốc gia

b.Vùng nước

- *Vùng nước lãnh hải* : Điều 17 Công ước 1982 về Luật Biển quy định tàu thuyền nước ngoài có quyền qua lại vô hại trên lãnh hải của quốc gia ven biển =>Quốc gia có chủ quyền hoàn toàn và đầy đủ đối với vùng nước lãnh hải của mình.

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

I-Lãnh thổ quốc gia

2. Các bộ phận lãnh thổ quốc gia

c.Vùng trời

- Vùng trời là khoảng không gian bao trùm trên vùng đất và vùng nước.
- Vùng trời thuộc chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối và riêng biệt của quốc gia
- Hiện nay, độ cao của vùng trời là bao nhiêu Luật quốc tế không quy định. Các nước dựa trên trình độ khoa học kỹ thuật hàng không để tự xác định lấy độ cao vùng trời của mình.

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

I-Lãnh thổ quốc gia

2. Các bộ phận lãnh thổ quốc gia

d.Vùng lòng đất

- Là toàn bộ phần nằm phía dưới vùng đất và vùng nước của quốc gia.
- Luật quốc tế chưa quy định độ sâu của lòng đất. Về nguyên tắc, các nước mặc nhiên thừa nhận vùng lòng đất có độ sâu kéo dài đến tận tâm trái đất.
- Thuộc chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối của quốc gia.

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA I-Lãnh thổ quốc gia

2. Các bộ phận lãnh thổ quốc gia

Lưu ý: Lãnh thổ di động (lãnh thổ bay/ lãnh thổ bơi)

- Khi khi máy bay, tàu biển, tàu vũ trụ, đường ống ngầm, cáp ngầm có mang cờ hoặc dấu hiệu riêng biệt của quốc gia đang nằm hoặc hoạt động ở vùng trời quốc tế, vùng biển quốc tế, khoảng không vũ trụ, châu Nam cực thì chúng được coi như một bộ phận lãnh thổ quốc gia.

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

I-Lãnh thổ quốc gia

3. Quyền tối cao của quốc gia đối với lãnh thổ

a. Các học thuyết

- Thuyết tài vật
- Thuyết cai trị
- Thuyết thẩm quyền

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

I-Lãnh thổ quốc gia

3. Quyền tối cao của quốc gia đối với lãnh thổ

b. Nội dung quyền tối cao của quốc gia đối với lãnh thổ

- Quyền tối cao của quốc gia đối với lãnh thổ là thuộc tính không thể tách rời và vốn có của quốc gia. Nó biểu hiện quyền thiêng liêng và bất khả xâm phạm của quốc gia trên hai phương diện:

3. Quyền tối cao của quốc gia đối với lãnh thổ

b. Nội dung quyền tối cao của quốc gia đối với lãnh thổ



- Phương diện quyền lực

- Phương diện vật chất

3. Quyền tối cao của quốc gia đối với lãnh thổ

b. Nội dung quyền tối cao của quốc gia đối với lãnh thổ

■ Ngoại lệ:

- Viên chức ngoại giao, lãnh sự được hưởng các quyền ưu đãi và miễn trừ
- Văn bản pháp luật quốc gia và các điều ước quốc tế mà quốc gia là thành viên quy định không loại bỏ hiệu lực của pháp luật nước ngoài trong những trường hợp cụ thể, thì quốc gia cũng phải áp dụng pháp luật nước ngoài cho những trường hợp đó.



A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

I-Lãnh thổ quốc gia

4. Quy chế pháp lý của lãnh thổ quốc gia

Quy chế pháp lý của lãnh thổ quốc gia là tổng hợp các quyền và nghĩa vụ của quốc gia đối với lãnh thổ của mình.

cuu duong than cong. com

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

I-Lãnh thổ quốc gia

4. Quy chế pháp lý của lãnh thổ quốc gia

- Nội dung quy chế pháp lý của lãnh thổ quốc gia được thể hiện thông qua các văn bản pháp luật quốc gia cũng như Hiến chương Liên Hợp Quốc và các văn bản pháp lý quốc tế khác.

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

I-Lãnh thổ quốc gia

4. Quy chế pháp lý của lãnh thổ quốc gia

- Quyền tự do lựa chọn chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội phù hợp với nguyện vọng của cộng đồng dân cư sống trên lãnh thổ
- Quyền tự do lựa chọn phương hướng phát triển đất nước, thực hiện những cải cách kinh tế - xã hội phù hợp với các đặc điểm của quốc gia.
- Quyền tự quy định chế độ pháp lý đối với từng vùng lãnh thổ của quốc gia;

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

I-Lãnh thổ quốc gia

4. Quy chế pháp lý của lãnh thổ quốc gia

- Quyền sở hữu hoàn toàn đối với tất cả tài nguyên thiên nhiên trong lãnh thổ của mình;
- Quốc gia thực hiện quyền tài phán của mình đối với mọi cá nhân, tổ chức, kể cả cá nhân tổ chức nước ngoài trong phạm vi lãnh thổ quốc gia hoặc cư trú trong phạm vi lãnh thổ quốc gia;

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

I-Lãnh thổ quốc gia

4. Quy chế pháp lý của lãnh thổ quốc gia

- Quốc gia có quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế thích hợp, điều chỉnh, kiểm soát các hoạt động của các pháp nhân và người nước ngoài, kể cả trong trường hợp quốc hữu hoá, tịch thu, trưng thu tài sản của tổ chức, cá nhân nước ngoài có bồi thường hoặc không có bồi thường;
- Quốc gia có quyền và nghĩa vụ trong việc cải tạo môi trường lãnh thổ quốc gia theo những nguyên tắc chung của pháp luật quốc tế;

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

I-Lãnh thổ quốc gia

4. Quy chế pháp lý của lãnh thổ quốc gia

- Quốc gia có quyền quyết định sử dụng, thay đổi lãnh thổ phù hợp với pháp luật và lợi ích của cộng đồng dân cư sinh sống trên lãnh thổ đó.
- Quốc gia có quyền thực hiện mọi biện pháp cần thiết (kể cả các biện pháp vũ trang) để phòng thủ, bảo vệ, giữ gìn và quản lý lãnh thổ nhằm đảm bảo tính thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia, phù hợp với quy định của pháp luật quốc tế.

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

I-Lãnh thổ quốc gia

5. Các hình thức thay đổi và xác lập lãnh thổ quốc gia

a. Thay đổi lãnh thổ quốc gia

Cơ sở của sự thay đổi lãnh thổ quốc gia

- Chỉ dựa trên cơ sở **quyền dân tộc tự quyết** quốc gia mới có thể tiến hành các hình thức thay đổi lãnh thổ khác nhau, từng phần lớn hoặc nhỏ, thậm chí cả việc thành lập một quốc gia mới.

cuu duong than cong. com

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

I-Lãnh thổ quốc gia

5. Các hình thức thay đổi và xác lập lãnh thổ quốc gia

a. Thay đổi lãnh thổ quốc gia

Các hình thức thay đổi lãnh thổ quốc gia

- **Phân chia**
- **Hợp nhất**
- **Sáp nhập**
- **Chuyển nhượng**
- **Theo một điều ước quốc tế đặc biệt**
- **Do các tác động tự nhiên**

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

I-Lãnh thổ quốc gia

5. Các hình thức thay đổi và xác lập lãnh thổ quốc gia

b. Các hình thức xác lập lãnh thổ trong lịch sử

- Thuyết quyền phát hiện
- Thuyết chiếm hữu trên danh nghĩa
- Nguyên tắc chiếm hữu thực sự

cuu duong than cong. com

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

I-Lãnh thổ quốc gia

5. Các hình thức thay đổi và xác lập lãnh thổ quốc gia

b. Các hình thức xác lập lãnh thổ trong lịch sử

Nội dung nguyên tắc chiếm hữu thực sự

- Việc xác lập chủ quyền lãnh thổ phải do nhà nước tiến hành. Cá nhân không có quyền thiết lập chủ quyền lãnh thổ vì cá nhân không phải là chủ thể của quan hệ pháp luật quốc tế.
- Sự chiếm hữu phải được tiến hành một cách hoà bình trên một vùng lãnh thổ thật sự là vô chủ (res nullius) hoặc là đã được quốc gia làm chủ chủ động từ bỏ (derelicto).

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

I-Lãnh thổ quốc gia

5. Các hình thức thay đổi và xác lập lãnh thổ quốc gia

b. Các hình thức xác lập lãnh thổ trong lịch sử

Nội dung chính :

- Quốc gia chiếm hữu trên thực tế phải thực hiện những hành động chủ quyền ở mức độ tối thiểu phù hợp với các điều kiện tự nhiên và dân cư trên vùng lãnh thổ đó.
- Việc thực hiện chủ quyền phải liên tục trên vùng lãnh thổ đó.



A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

cuu duong than cong. com

■ II-Biên giới quốc gia

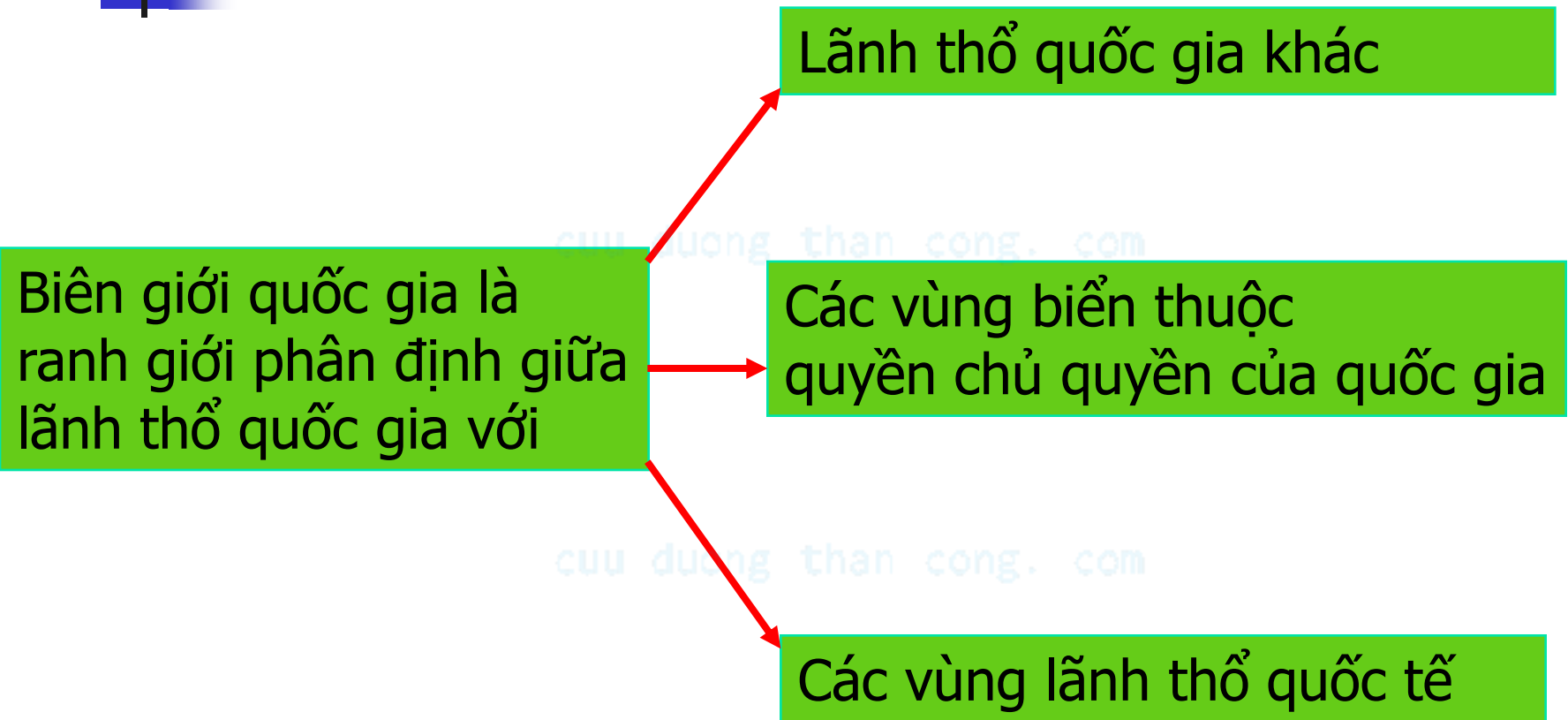
cuu duong than cong. com

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

II-Biên giới quốc gia

1. Khái niệm

a. Định nghĩa



A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

II-Biên giới quốc gia

1. Khái niệm

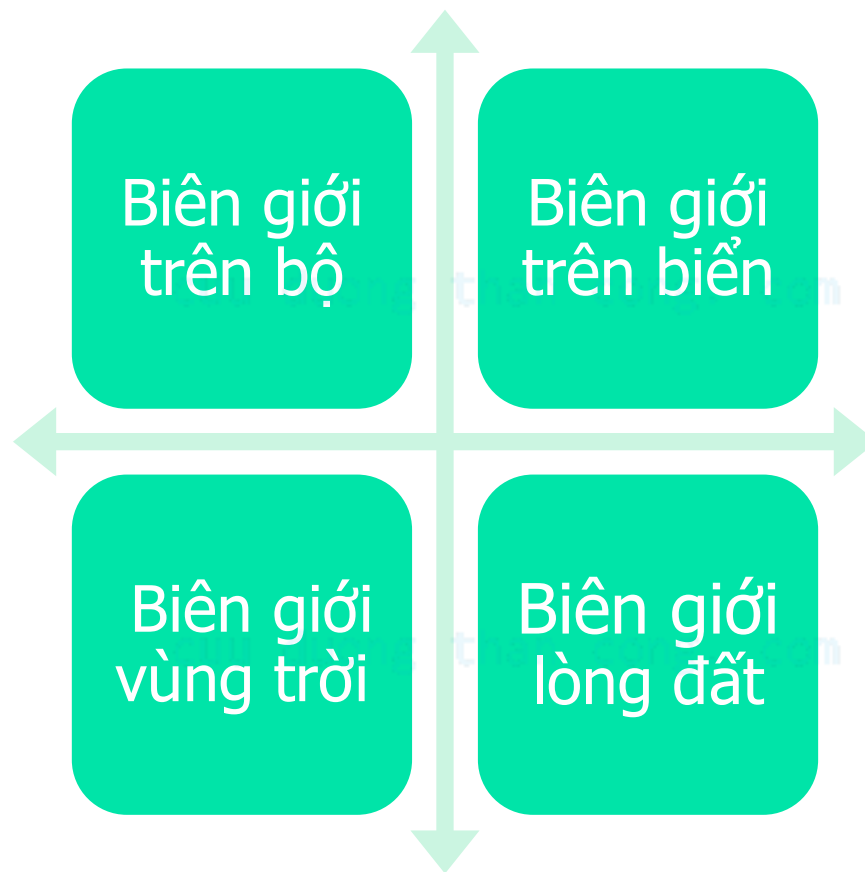
b. Ý nghĩa của biên giới quốc gia

- Đóng vai trò là đường phân định một cách rõ ràng, chính xác lãnh thổ quốc gia với các vùng khác không thuộc lãnh thổ quốc gia.
- Biên giới gắn liền với sự tồn tại của quốc gia, là điều kiện cho an ninh quốc gia và là quyền lợi cơ bản của quốc gia.
- Sự ổn định của biên giới quốc gia là điều kiện đảm bảo cho hoà bình và an ninh quốc tế.

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

II-Biên giới quốc gia

2. Các bộ phận cấu thành biên giới quốc gia



A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

II-Biên giới quốc gia

2. Các bộ phận cấu thành biên giới quốc gia

a. Biên giới quốc gia trên bộ

- Là đường biên giới trên đất liền, trên đảo, trên sông, trên hồ biên giới hoặc trên biển nội địa.
- Có rất **ít các quy định chung** của luật quốc tế liên quan đến việc hoạch định biên giới quốc gia trên bộ.
- Về nguyên tắc, các quốc gia **tự thoả thuận** với nhau để xác định biên giới trên bộ.

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

II-Biên giới quốc gia

2. Các bộ phận cấu thành biên giới quốc gia

b. Biên giới quốc gia trên biển

Vùng biển thuộc chủ quyền của quốc gia khác

Biên giới trên biển là ranh giới phân định vùng biển thuộc chủ quyền của quốc gia với

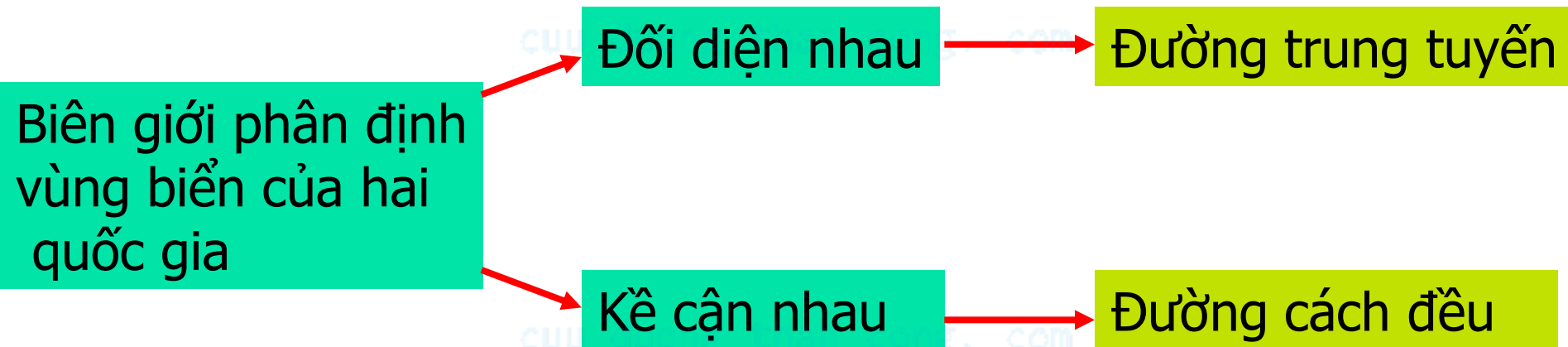
Vùng biển thuộc quyền chủ quyền của quốc gia

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

II-Biên giới quốc gia

2. Các bộ phận cấu thành biên giới quốc gia

b. Biên giới quốc gia trên biển

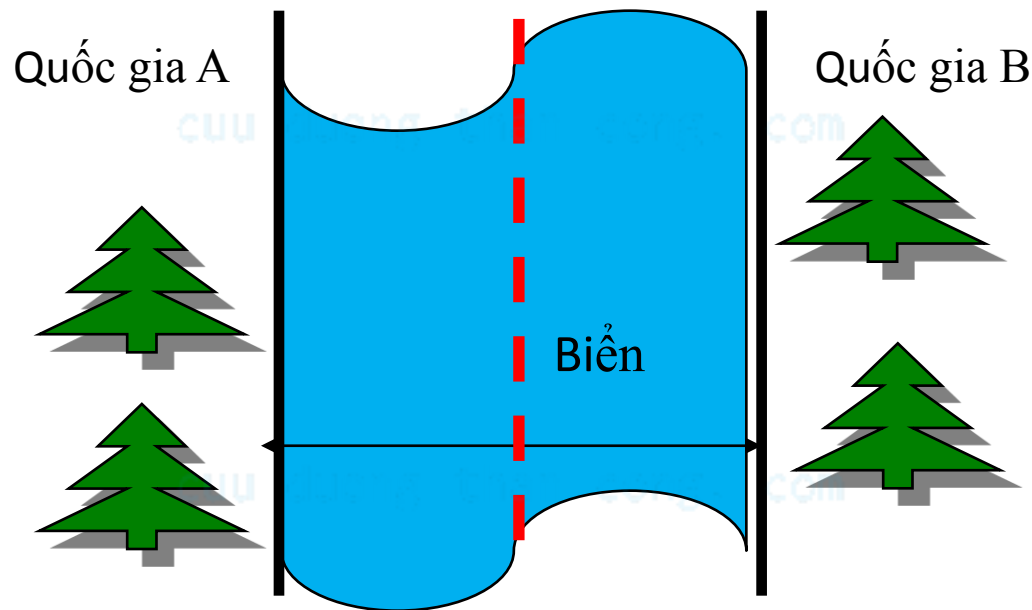


A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

II-Biên giới quốc gia

2. Các bộ phận cấu thành biên giới quốc gia

b. Biên giới quốc gia trên biển

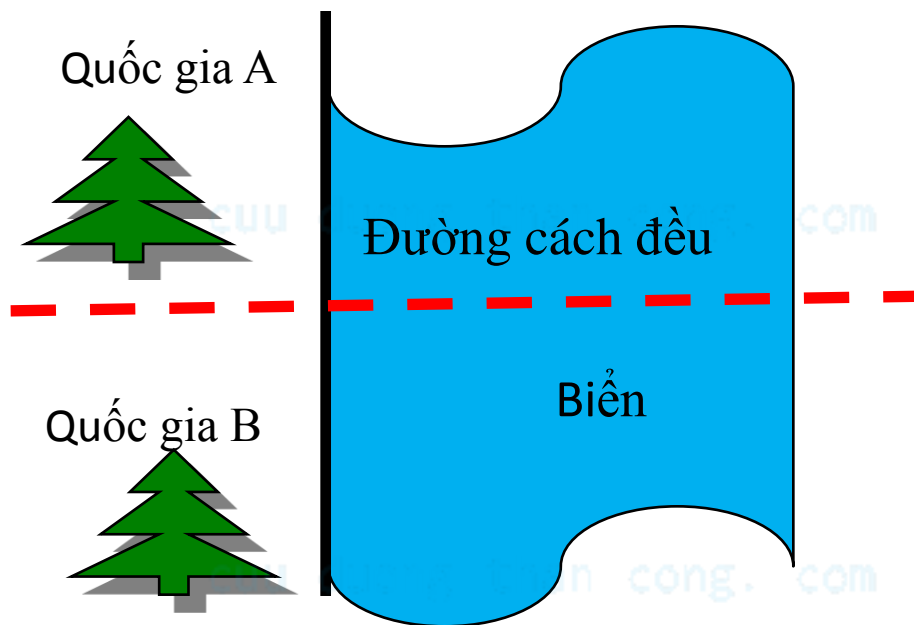


A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

II-Biên giới quốc gia

2. Các bộ phận cấu thành biên giới quốc gia

b. Biên giới quốc gia trên biển



A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

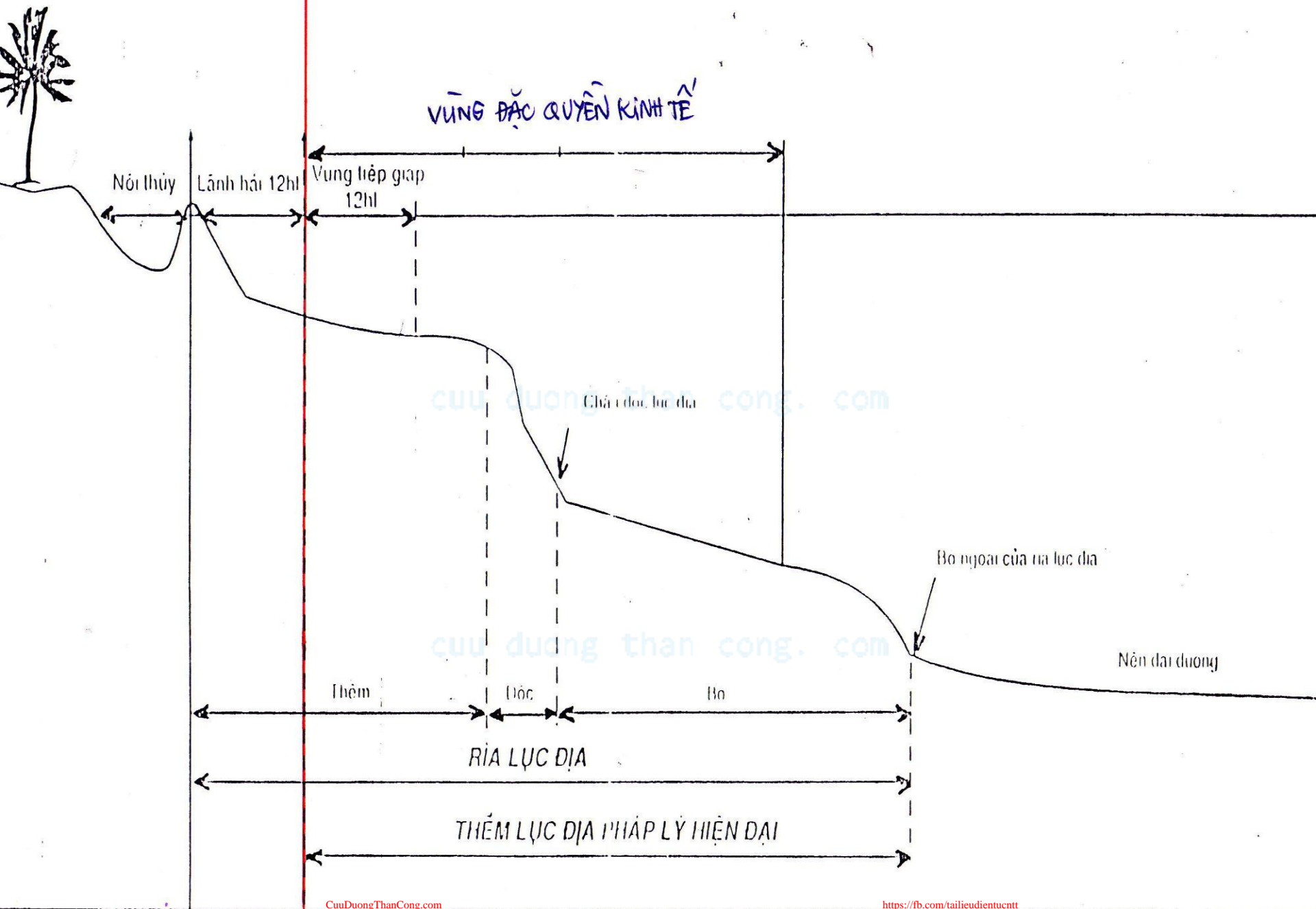
II-Biên giới quốc gia

2. Các bộ phận cấu thành biên giới quốc gia

b. Biên giới quốc gia trên biển

- Đường biên giới phân định vùng biển thuộc chủ quyền của quốc gia ven biển với những vùng biển khác thuộc quyền chủ quyền của quốc gia.

cuu duong than cong. com



A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

II-Biên giới quốc gia

2. Các bộ phận cấu thành biên giới quốc gia

C. Biên giới quốc gia trên không

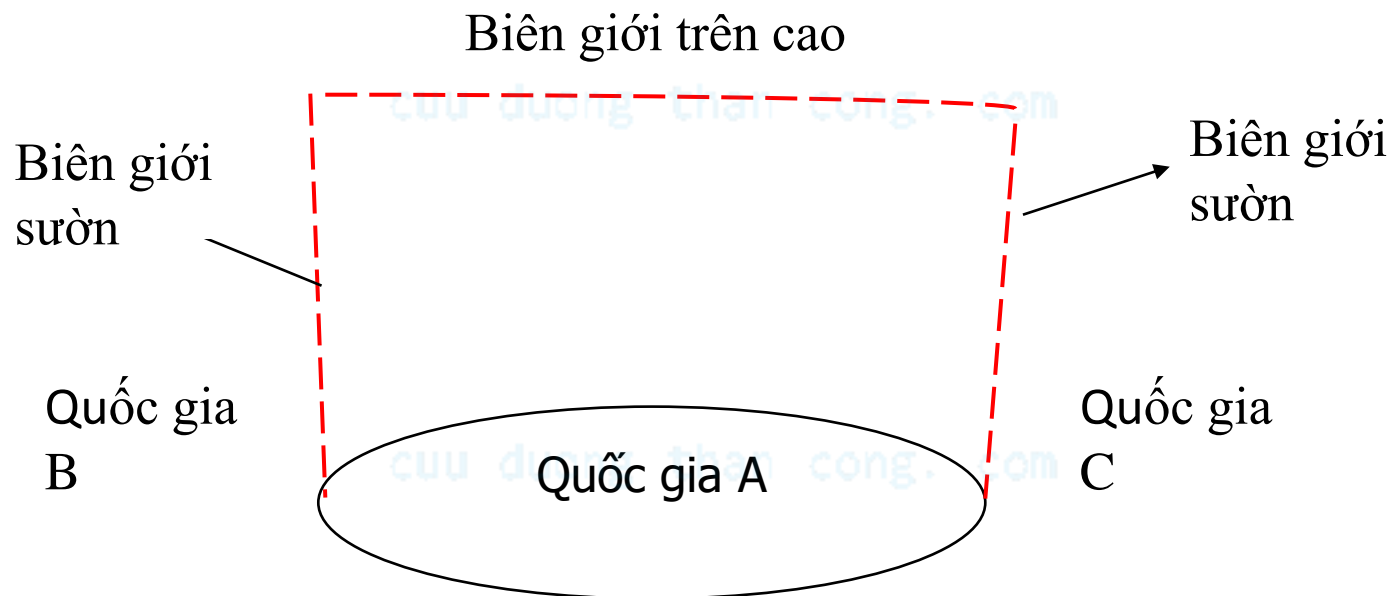
- Là biên giới vùng trời. Bao gồm:
 - Biên giới sườn
 - Biên giới trên cao

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

II-Biên giới quốc gia

2. Các bộ phận cấu thành biên giới quốc gia

C. Biên giới quốc gia trên không

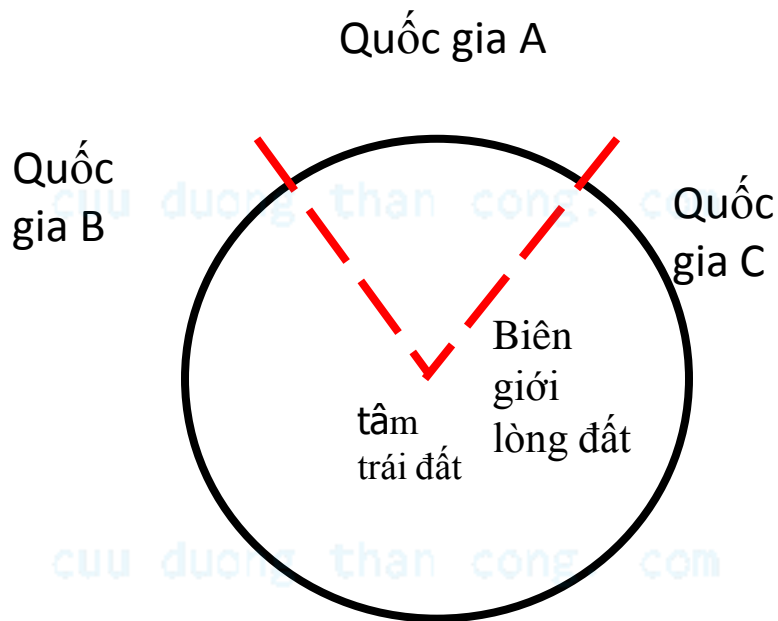


A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

II-Biên giới quốc gia

2. Các bộ phận cấu thành biên giới quốc gia

d. Biên giới lòng đất



A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

II-Biên giới quốc gia

3. Các kiểu biên giới quốc gia

a- Biên giới theo địa hình

Là kiểu biên giới được xác định dựa vào địa hình thực tế như núi, sông, hồ...



A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

II-Biên giới quốc gia

3. Các kiểu biên giới quốc gia

b-Biên giới hình học

- Là kiểu biên giới được xác định **bằng các đường thẳng nối các điểm đã được xác định** từ trước hoặc các **đường vòng cung** mà tâm điểm và bán kính đã được xác định từ trước.

cuu duong than cong. com



Mediterranean Sea

Tobruk

Nazareth
Tel Aviv-Yafo

Amman

SYRIAN

CYRENAICA

Marsá Matrūh

Alexandria

Damietta

Damanhūr

Beersheba

Jerusalem

DESERT

JORDAN

Tanṭā

Az Zaḡāzīq

Al Arīsh

Al Karak

Ma'an

Mughayrā'

MATRŪH

Cairo

JANŪB
SINĀ'

Beni Suef

Mount Sinai 2285 m (7495 ft)

SAUDI ARABIA

AL JĪZAH

Al Minyā

Aṭ Ṭūr

Qaṣr al
Farāfirah

ARABIAN

Asyūt

DESERT

Al Ghardaqah

Madā'in Ṣāliḥ

ARABIAN
PENINSULA

EGYPT

Sūhāj

Jirjā

Qinā

Al Wajh

Farshūt

Al Khārijah

Luxor

Idfū

AL BAḤR

AL AḤMAR

Aswān

Berenice

AL WĀDĪ

AL JADĪD

DESERT

Tropic of Cancer

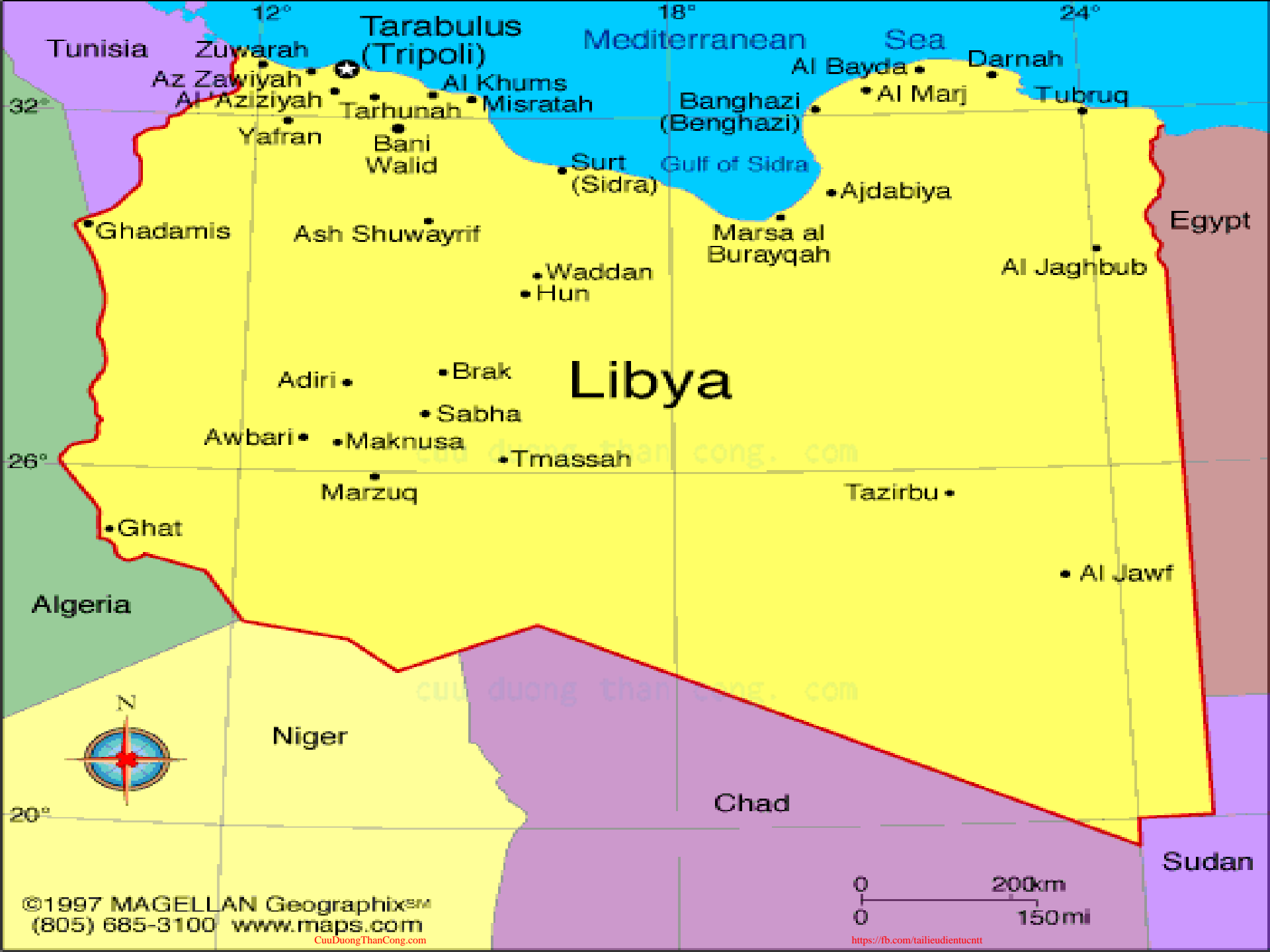
Red Sea

SUDAN

NUBIA

Gebeit

Halā'ib



A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

II-Biên giới quốc gia

3. Các kiểu biên giới quốc gia

c- Biên giới thiên văn

- Là kiểu biên giới được xác định theo các đường kinh tuyến, vĩ tuyến.

cuu duong than cong. com





A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

II-Biên giới quốc gia

4. Xác định biên giới quốc gia

a- Nguyên tắc xác định

- Nguyên tắc bình đẳng thoả thuận
- Nguyên tắc hoạch định đường biên giới mới
- Nguyên tắc Uti Possidetis.

4. Xác định biên giới quốc gia

b. Quá trình xác định biên giới quốc gia trên bộ

Gồm ba giai đoạn sau:

1. Hoạch định biên giới;
2. Phân giới thực địa;
3. Cắm mốc.

4. Xác định biên giới quốc gia

b. Quá trình xác định biên giới quốc gia trên bộ

Giai đoạn hoạch định biên giới quốc gia:

- Đây là giai đoạn chủ yếu mang tính lý thuyết, trong đó việc quan trọng nhất là các quốc gia hữu quan phải cùng nhau thoả thuận xác định đường biên giới trên văn bản điều ước, kèm theo các tài liệu cần thiết và bản đồ mô tả chi tiết đường biên giới.

cuu duong than cong. com

4. Xác định biên giới quốc gia

b. Quá trình xác định biên giới quốc gia trên bộ

Giai đoạn hoạch định biên giới quốc gia:

- Phải đưa ra được các nguyên tắc làm cơ sở cho việc xác định biên giới quốc
 - Các điểm được lựa chọn để xác định vị trí, hướng đi của đường biên giới phải rõ ràng, tránh mơ hồ hay gây khó dễ, gây tranh chấp trong quá trình phân giới, cắm mốc sau này.
- Kết quả của giai đoạn này là một điều ước quốc tế về xác định biên giới được ký kết giữa hai nước

4. Xác định biên giới quốc gia

b. Quá trình xác định biên giới quốc gia trên bộ

Giai đoạn phân giới thực địa

- Là giai đoạn thực địa hoá đường biên giới trên hiệp định

4. Xác định biên giới quốc gia

b. Quá trình xác định biên giới quốc gia trên bộ

Giai đoạn cắm mốc

- Tiến hành cắm cột mốc lên những điểm đã được xác định
- Sau khi hoàn tất các giai đoạn trên, các bên phải vẽ lại toàn bộ sơ đồ, vị trí tọa độ của các cột mốc.

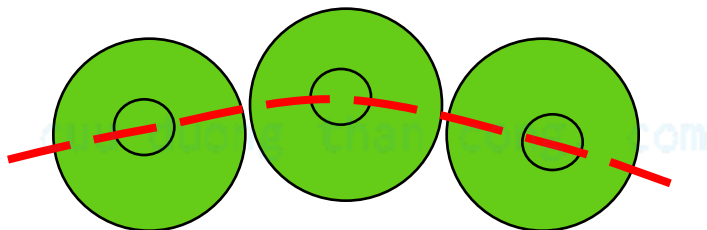
cuu duong than cong. com

4. Xác định biên giới quốc gia

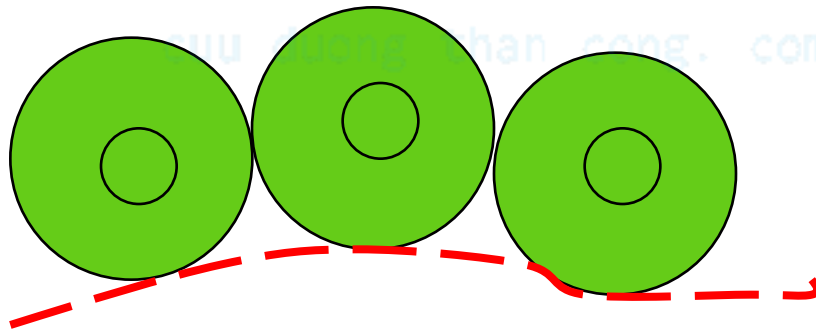
b. Quá trình xác định biên giới quốc gia trên bộ

Một số trường hợp đặc biệt trong việc xác định biên giới quốc gia trên bộ

- Trường hợp đường biên giới chạy qua một dãy núi:
 - Xác định đường biên giới theo sống núi.



- 
-
- Xác định biên giới theo đường chân núi



4. Xác định biên giới quốc gia

b. Quá trình xác định biên giới quốc gia trên bộ

Một số trường hợp đặc biệt trong việc xác định biên giới quốc gia trên bộ

Biên giới trên sông:

- Đối với sông không sử dụng cho giao thông đường thủy: thường là đường trung tuyến của con sông.
- Đối với sông sử dụng cho giao thông đường thủy: thường xác định theo dòng chảy của con sông (hay còn gọi là đáy lũng), nghĩa là theo điểm giữa dòng nước nơi tàu thuyền có thể đi lại được.
- Nếu sông có nhiều nhánh: xác định đường biên giới trên nhánh chính.
- Đối với sông có cầu bắc ngang: thường xác định đường biên giới trên cầu nằm ở chính giữa cầu.

4. Xác định biên giới quốc gia

b. Quá trình xác định biên giới quốc gia trên bộ

Một số trường hợp đặc biệt trong việc xác định biên giới quốc gia trên bộ

Xác định biên giới trên hồ:

- Trong trường hợp các quốc gia cùng giáp nhau ở một hồ biên giới, các bên sẽ thoả thuận xác định tâm của hồ, sau đó nối các điểm biên giới trên bờ hồ của các quốc gia qua tâm của hồ để phân chia vùng hồ thuộc chủ quyền của mỗi bên.





4. Xác định biên giới quốc gia

d. Quá trình xác định biên giới vùng trời và lòng đất

- Biên giới vùng trời và biên giới lòng đất được xác định dựa trên biên giới trên bộ và biên giới trên biển, được các quốc gia công nhận và tuân thủ như một tập quán quốc tế.

cuu duong than cong. com

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

II-Biên giới quốc gia

5. Chế độ pháp lý biên giới quốc gia.

a- Nguyên tắc bất khả xâm phạm biên giới quốc gia

- Nghiêm cấm xâm chiếm lãnh thổ quốc gia
- Biên giới quốc gia là bất khả xâm phạm
- Không được sử dụng lãnh thổ quốc gia khi không có sự đồng ý của quốc gia đó.

5. Chế độ pháp lý biên giới quốc gia.

b- Nguồn luật áp dụng

- Các điều ước quốc tế đa phương
 - Hiến chương Liên hợp quốc
 - Công ước 1982 về luật biển
- Các điều ước quốc tế song phương
 - Hiệp định phân định biên giới giữa các nước
- Pháp luật của các quốc gia

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

II-Biên giới quốc gia

5. Chế độ pháp lý biên giới quốc gia.

C-Nội dung chế độ pháp lý biên giới quốc gia

- Những nguyên tắc và quy định chung về biên giới quốc gia
- Quy chế biên giới như: Quy chế qua lại, hoạt động ở khu vực biên giới, quy chế sử dụng nguồn nước, sử dụng sông suối biên giới, khai thác tài nguyên...
- Quy chế quản lý, bảo vệ biên giới.
- Quy chế giải quyết tranh chấp nảy sinh ở khu vực biên giới

1. Vùng trời quốc tế

a. Định nghĩa

- **Vùng trời quốc tế là khoảng không gian bên ngoài bao trùm trên vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế của các quốc gia, vùng biển quốc tế, châu Nam cực và khoảng không gian phía trên vùng trời quốc gia.**

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

III-Chế độ pháp lý các vùng lãnh thổ quốc tế

1. Vùng trời quốc tế

b. Quy chế pháp lý

Phương tiện bay của tất cả các quốc gia đều được quyền tự do bay trên không phận quốc tế. Khi bay trên vùng trời quốc tế, các phương tiện bay này chỉ chịu quyền tài phán của quốc gia mà nó mang quốc tịch và phải tuân thủ các quy định đã được ghi nhận tại các điều ước quốc tế và các chuẩn mực của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (ICAO).

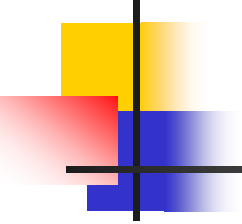
(Công ước Chicago năm 1944).

A-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

III-Chế độ pháp lý các vùng lãnh thổ quốc tế

2. Nam cực

- Nam cực là một phần của trái đất bao gồm Châu Nam cực, các đảo tiếp giáp với Châu Nam cực và các phần của Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương ở khu vực Nam cực với diện tích khoảng 50 triệu km².
- Đoạn 1, Điều 1 Công ước quốc tế Nam cực năm 1959 quy định: "Nam Cực chỉ được sử dụng hoàn toàn vào mục đích hoà bình. Nghiêm cấm các hoạt động mang tính chất vũ trang như xây dựng các căn cứ, công trình quân sự, không được phép tiến hành các hoạt động vũ trang cũng như việc thử bất kỳ loại vũ khí nào".



B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN THUỘC CHỦ QUYỀN VÀ QUYỀN CHỦ QUYỀN QUỐC GIA

cuu duong than cong. com

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CÁC VÙNG BIỂN

I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia

1. Nội thủy

a. Khái niệm

- Nội thủy là vùng nước phía trong đường cơ sở và tiếp liền với bờ biển của quốc gia ven biển. (khoản 1 Điều 8, Công ước Luật Biển 1982)

b. Cách xác định

- Ranh giới phía trong của nội thủy là bờ biển
- Ranh giới ngoài của nội thủy là đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải.

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CÁC VÙNG BIỂN

I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia

1. Nội thủy

c. Các phương pháp xác định đường cơ sở

- Đường cơ sở là “cột mốc pháp lý” được vạch dựa vào **ngấn nước thủy triều xuống thấp nhất** dọc theo chiều hướng chung của bờ biển hoặc là **đường thẳng gãy khúc nối liền các mũi, các đỉnh, các đảo ven bờ** để xác định chiều rộng các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền

cuu duong than cong. com

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia

1. Nội thủy

- Phương pháp xác định đường cơ sở thông thường:
Là ngăn nước thủy triều xuống thấp nhất dọc theo bờ biển của quốc gia ven biển (Điều 5, Công ước 1982). Trong trường hợp những bộ phận đảo cấu tạo bằng san hô hoặc các đảo có đá ngầm ven bờ bao quanh, thì đường cơ sở là ngăn nước thủy triều xuống thấp nhất ở bờ phía ngoài cùng của các mỏm đá(Điều6).

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia

1. Nội thủy

- Phương pháp đường cơ sở thẳng:

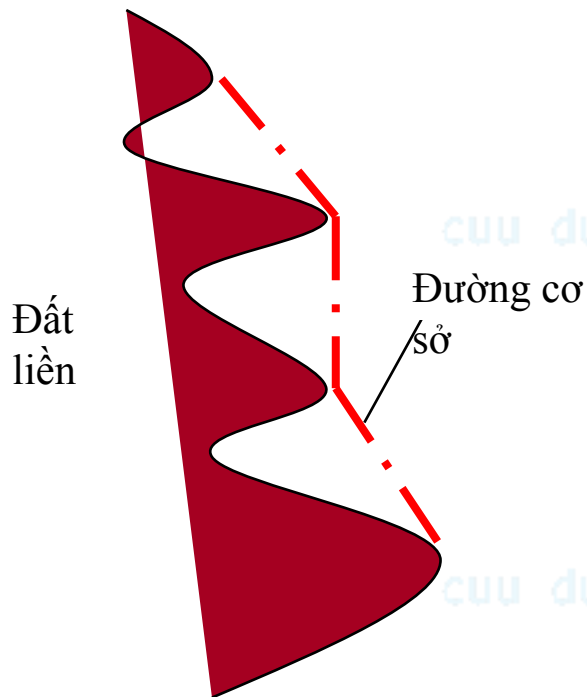
- Khi bờ biển khúc khuỷu, bị khoét sâu và lồi lõm;
- Khi có chuỗi đảo nằm sát và chạy dọc theo bờ biển;
- Khi có những điều kiện tự nhiên đặc biệt gây ra sự mất ổn định của bờ biển như sự hiện diện của các châu thổ.

Đường cơ sở thẳng của quốc gia ven biển: xác định bằng cách **nối các điểm nhô ra xa nhất của đường bờ biển khi ngấn nước thủy triều xuống thấp nhất, tạo thành các đường thẳng liên tiếp, gãy khúc.** (Điều 7).

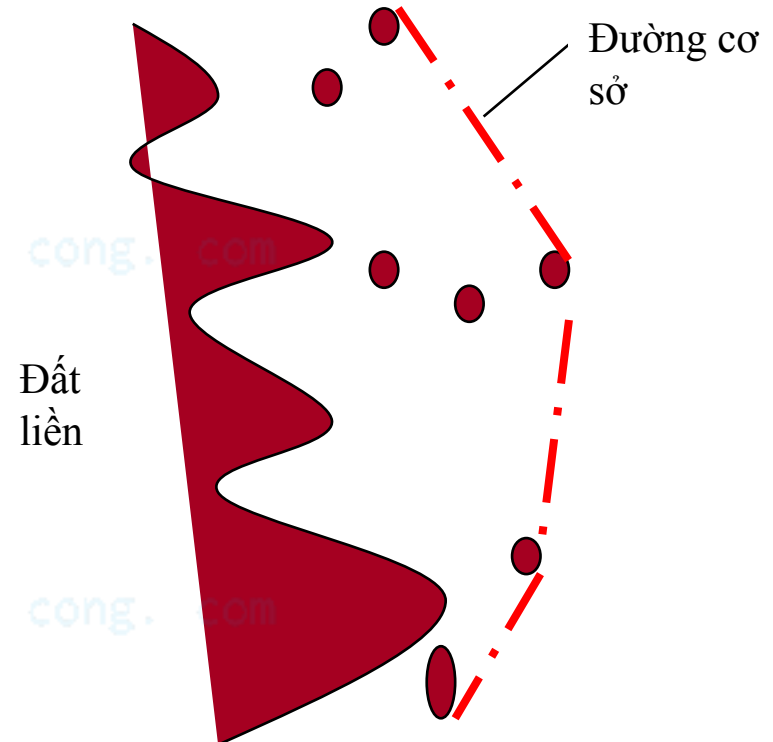
B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia

1. Nội thủy



Đường cơ sở của quốc gia có đường bờ biển khúc khuỷu



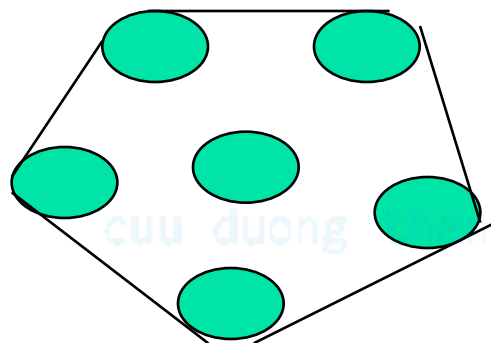
Đường cơ sở của quốc gia có chuỗi đảo ven bờ

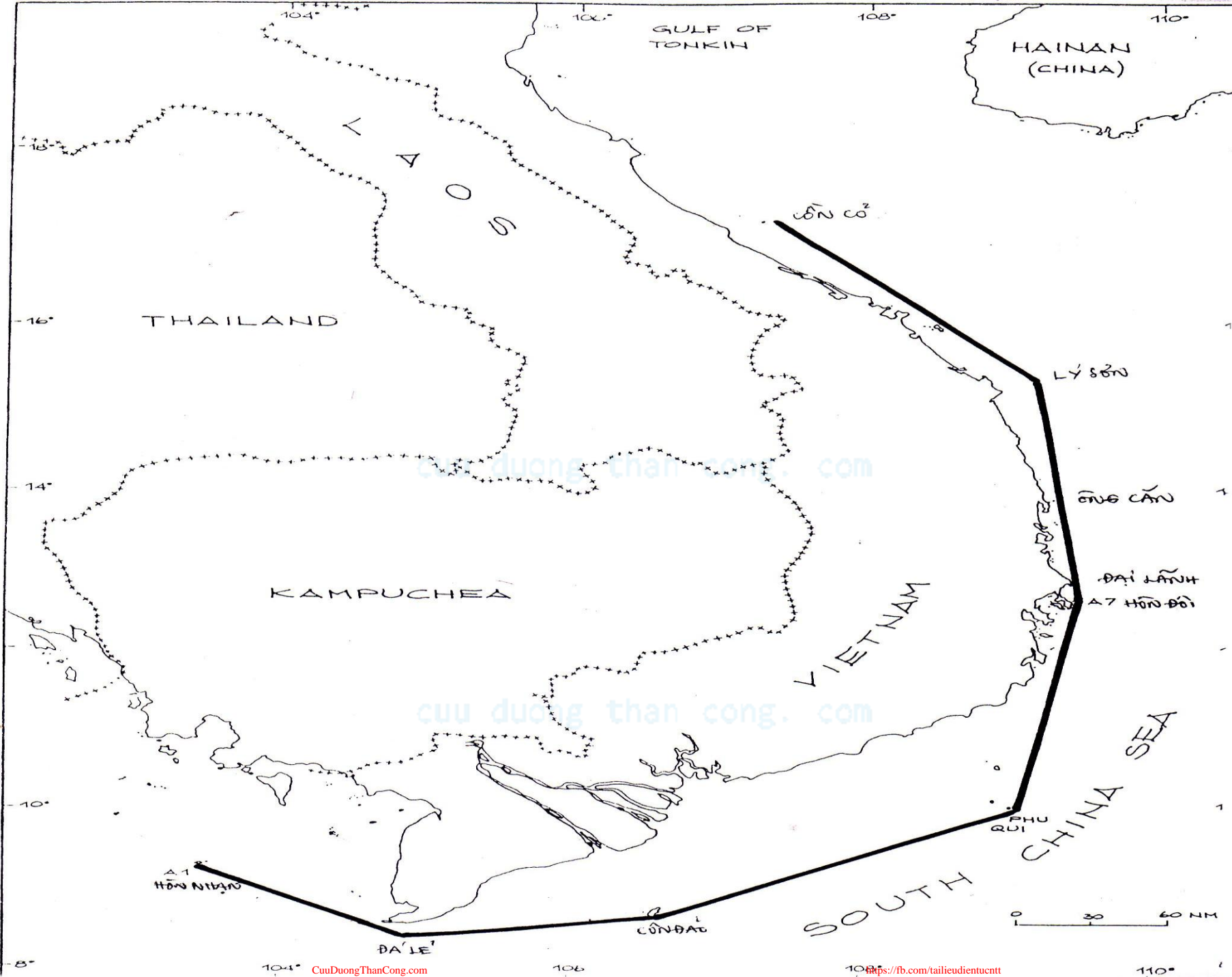
B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia

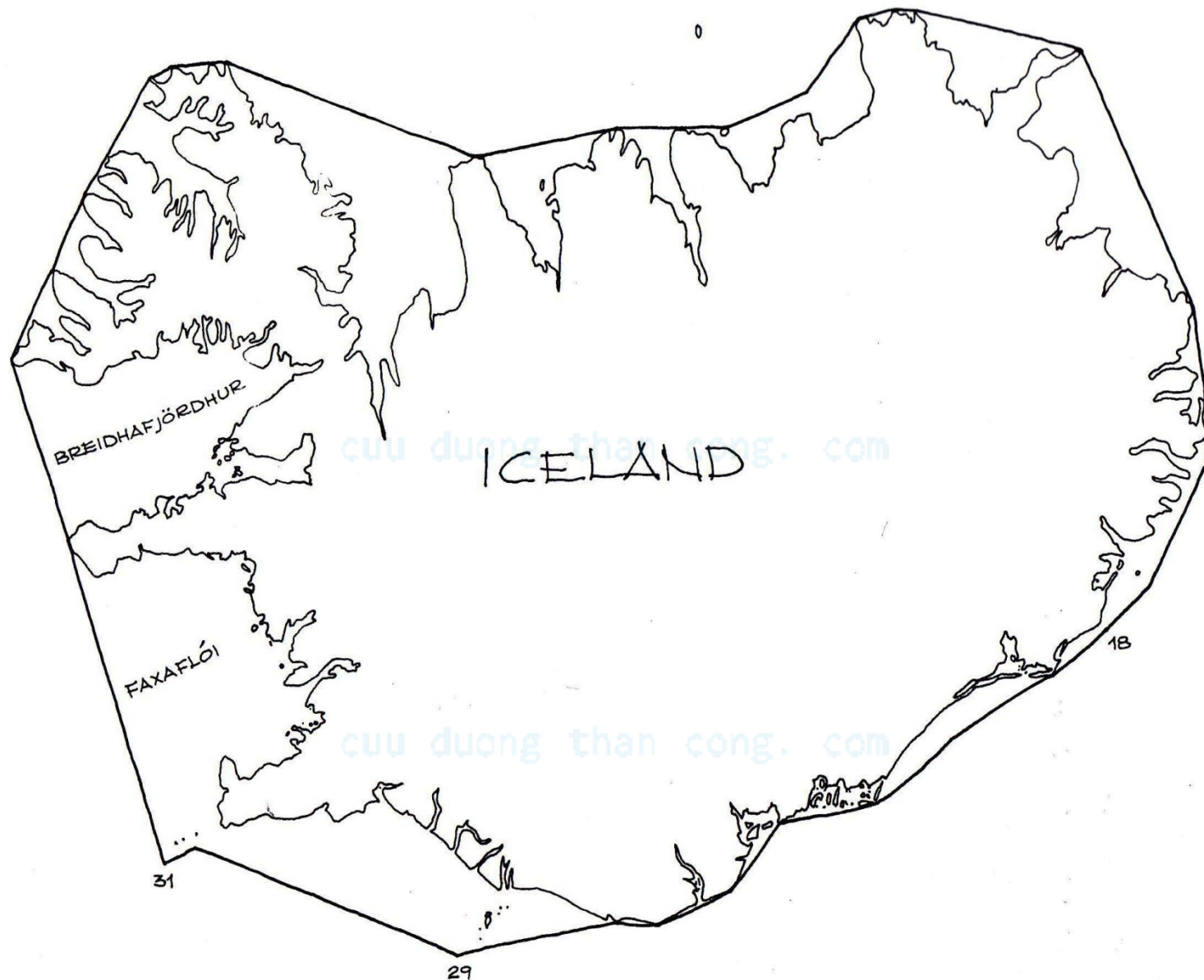
1. Nội thủy

Đường cơ sở thẳng của quốc gia quần đảo





DENMARK STRAIT



B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia

1. Nội thủy

Yêu cầu của việc vạch đường cơ sở:

- Đường cơ sở không được vạch quá xa bờ và phải phù hợp với chiều hướng chung của bờ biển hoặc đường bao quanh quần đảo.
- Các điểm để xác định đường cơ sở phải là các điểm vật chất cụ thể. Các bãi cạn lúc chìm lúc nổi không được chọn là các điểm cơ sở trừ trường hợp ở đó có các đèn biển hoặc các thiết bị tương tự thường xuyên nhô cao hơn mặt nước biển hoặc việc vạch các đường cơ sở thẳng đó đã được sự thừa nhận chung của quốc tế.
- Không được vạch đường cơ sở sang lãnh hải nước khác, không vạch đường cơ sở làm lãnh hải của nước khác bị ngăn cách với biển cả hoặc với vùng đặc quyền kinh tế.
- Đường cơ sở có thể vạch đến những vùng mà lợi ích kinh tế riêng biệt của khu vực đó mà thực tế và tầm quan trọng của nó đã được một quá trình sử dụng lâu dài chứng minh rõ ràng

(Các Khoản 3, 4, 5, 6 Điều 7 Công ước 1982)

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

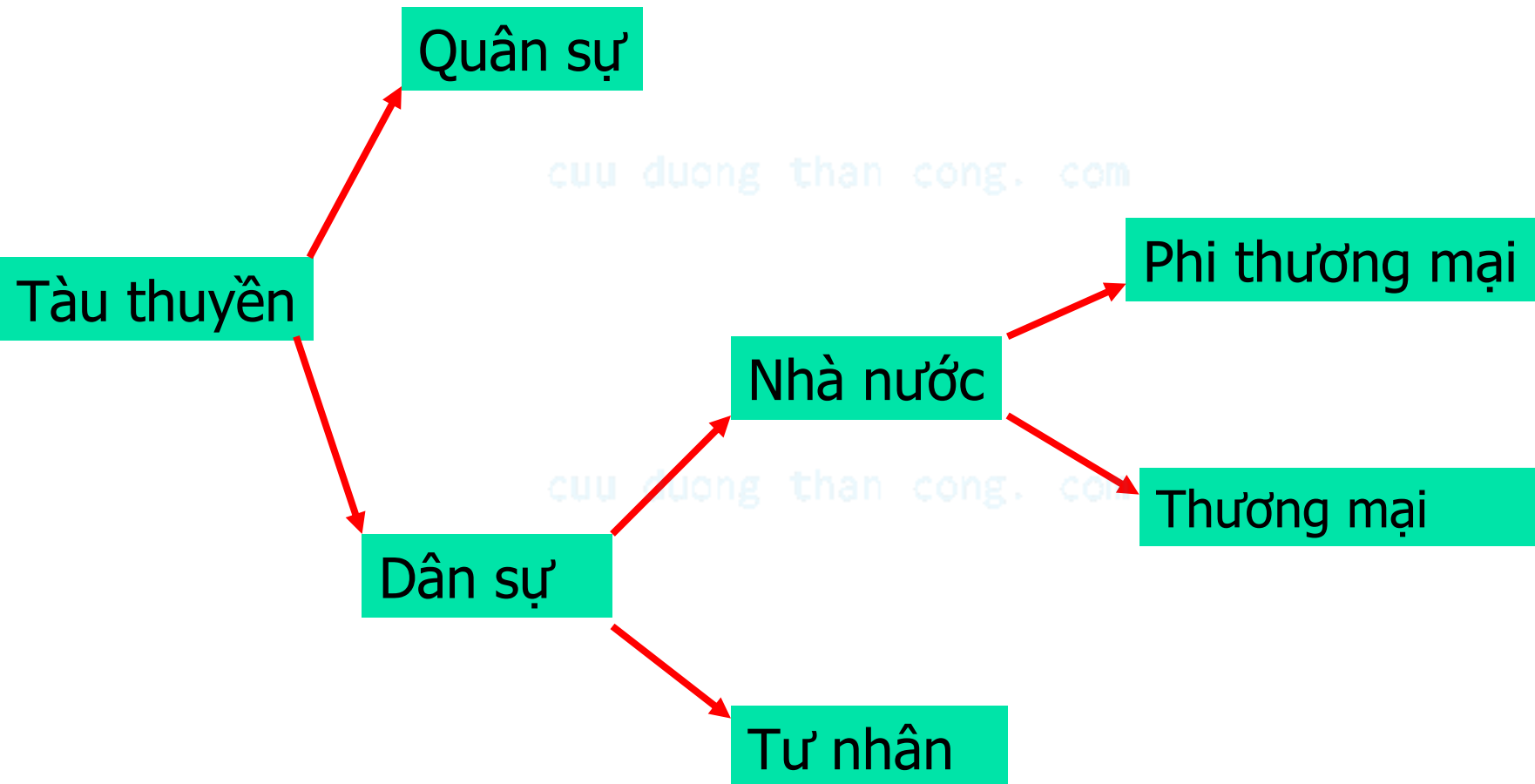
I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia

1. Nội thủy

- Vùng nội thủy thuộc chủ quyền hoàn toàn tuyệt đối của quốc gia → Mọi tàu thuyền muốn qua lại vùng nội thủy phải xin phép quốc gia.



Phân loại tàu thuyền





B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia

1. Nội thủy

- Tàu quân sự:
 - Thuộc lực lượng vũ trang của một quốc gia;
 - Mang dáng vẻ bên ngoài đặc trưng;
 - Do một sĩ quan hải quân chỉ huy;
 - Thủy thủ đoàn hoạt động theo điều lệnh, kỷ luật quân đội.



40

USS Mississippi Cruiser

U.S. Navy

CauDuongThanCong.com

<https://fb.com/tailieudientucntt>



War Ship



TÀU NGẦM HẠT NHÂN



B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia

1. Nội thủy

- Tàu quân sự và tàu nhà nước phi thương mại **được hưởng quyền bất khả xâm phạm, quyền miễn trừ tuyệt đối về tư pháp.**
- Trong trường hợp tàu này vi phạm pháp luật, quốc gia ven biển có quyền
 - Trục xuất con tàu vi phạm ra khỏi phạm vi lãnh thổ nước mình;
 - Yêu cầu quốc gia mà con tàu mang quốc tịch bồi thường thiệt hại;
 - Yêu cầu quốc gia mà con tàu mang quốc tịch phải áp dụng các biện pháp chế tài đối với thủy thủ vi phạm.

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia

1. Nội thủy

- Đối với tàu dân sự, tàu nhà nước sử dụng trong lĩnh vực thương mại:

Quốc gia ven biển có quyền

Tài phán hình sự

Tài phán dân sự

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia

1. Nội thủy

- **Quyền tài phán trong lĩnh vực hình sự**: Quốc gia ven biển có quyền áp dụng pháp luật nước mình trong việc bắt giữ, truy tố và đưa ra xét xử trước toà án nước mình đối với những thuỷ thủ trên tàu buôn nước ngoài phạm tội. Điều này áp dụng giống như trường hợp người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ của quốc gia ven biển.



B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia

1. Nội thủy

- **Quyền tài phán trong lĩnh vực dân sự**: Quốc gia ven biển có quyền giải quyết các tranh chấp dân sự giữa các tàu dân sự, tàu buôn nước ngoài đậu trong nội thủy của mình hoặc giữa các thủy thủ của tàu nước ngoài với nhau hoặc với công dân nước mình khi được các bên đương sự yêu cầu.

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia

2. Lãnh hải

a. Định nghĩa

- Lãnh hải là vùng biển tiếp liền với nội thủy, nằm giữa một bên là nội thủy và một bên là các vùng biển thuộc quyền chủ quyền (quyền tài phán) của quốc gia. Ranh giới phía ngoài của lãnh hải là đường biên giới của quốc gia ven biển.

cuu duong than cong. com



B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia

2. Lãnh hải

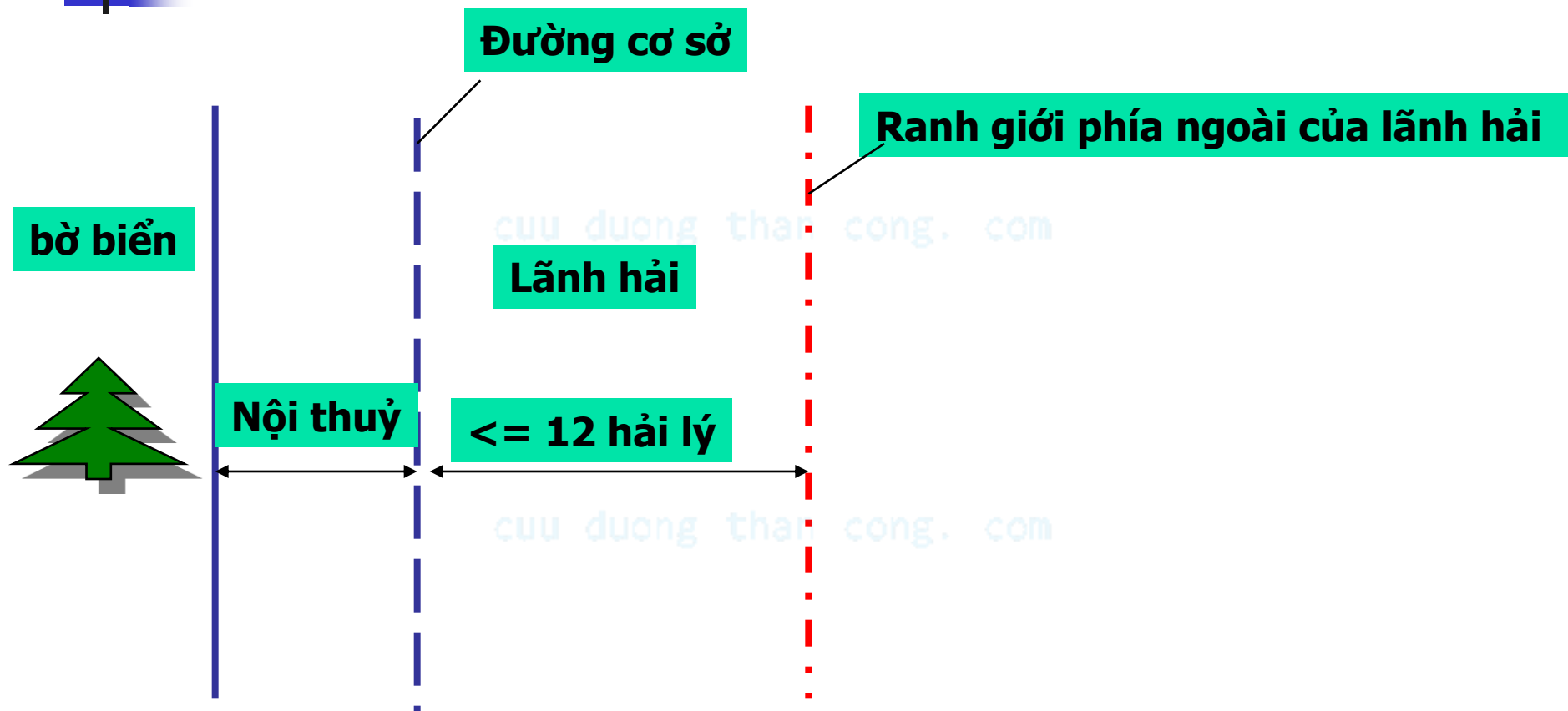
b. Cách xác định

- Quốc gia có quyền ấn định chiều rộng của lãnh hải không vượt quá 12 hải lý kể từ đường cơ sở được xác định (Điều 3, Công ước 1982).
- Ranh giới phía trong của lãnh hải là đường cơ sở
- Ranh giới phía ngoài của lãnh hải là đường song song với đường cơ sở, cách đường cơ sở một khoảng cách không quá 12 hải lý.

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia

2. Lãnh hải



B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia

2. Lãnh hải

c. Quy chế pháp lý

- Quyền qua lại vô hại
 - Tàu thuyền của tất cả các quốc gia có biển hay không có biển đều được quyền qua lại không gây hại trong lãnh hải của quốc gia ven biển. (Điều 17 Công ước 1982).
 - Qua lại vô hại: được hiểu là qua lại không xâm phạm đến hoà bình, trật tự, an ninh của quốc gia ven biển.

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia

2. Lãnh hải

Các trường hợp qua lại gây hại:

- Đe dọa hoặc dùng vũ lực chống lại chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ hoặc độc lập chính trị của quốc gia ven biển hay dùng mọi cách khác trái với các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế đã được nêu trong Hiến chương Liên Hợp Quốc;
- Luyện tập hoặc diễn tập với bất kỳ loại vũ khí gì;
- Thu thập tin tức tình báo gây thiệt hại cho quốc phòng hay an ninh của quốc gia ven biển;
- Tuyên truyền làm hại đến quốc phòng hay an ninh của quốc gia ven biển;
- ...vv

(Điều 19, Công ước 1982)

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia

2. Lãnh hải

- Quốc gia ven biển có thể tạm đình chỉ quyền qua lại vô hại của tàu thuyền nước ngoài tại lãnh hải của mình trong một số trường hợp nhất định nhưng với điều kiện là điều này phải áp dụng công bằng với tất cả tàu thuyền của tất cả các quốc gia, không được có sự phân biệt đối xử (Điều 25 Công ước 1982 về luật biển)

cuu duong than cong. com

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia

2. Lãnh hải

Quyền tài phán của quốc gia ven biển trong lãnh hải

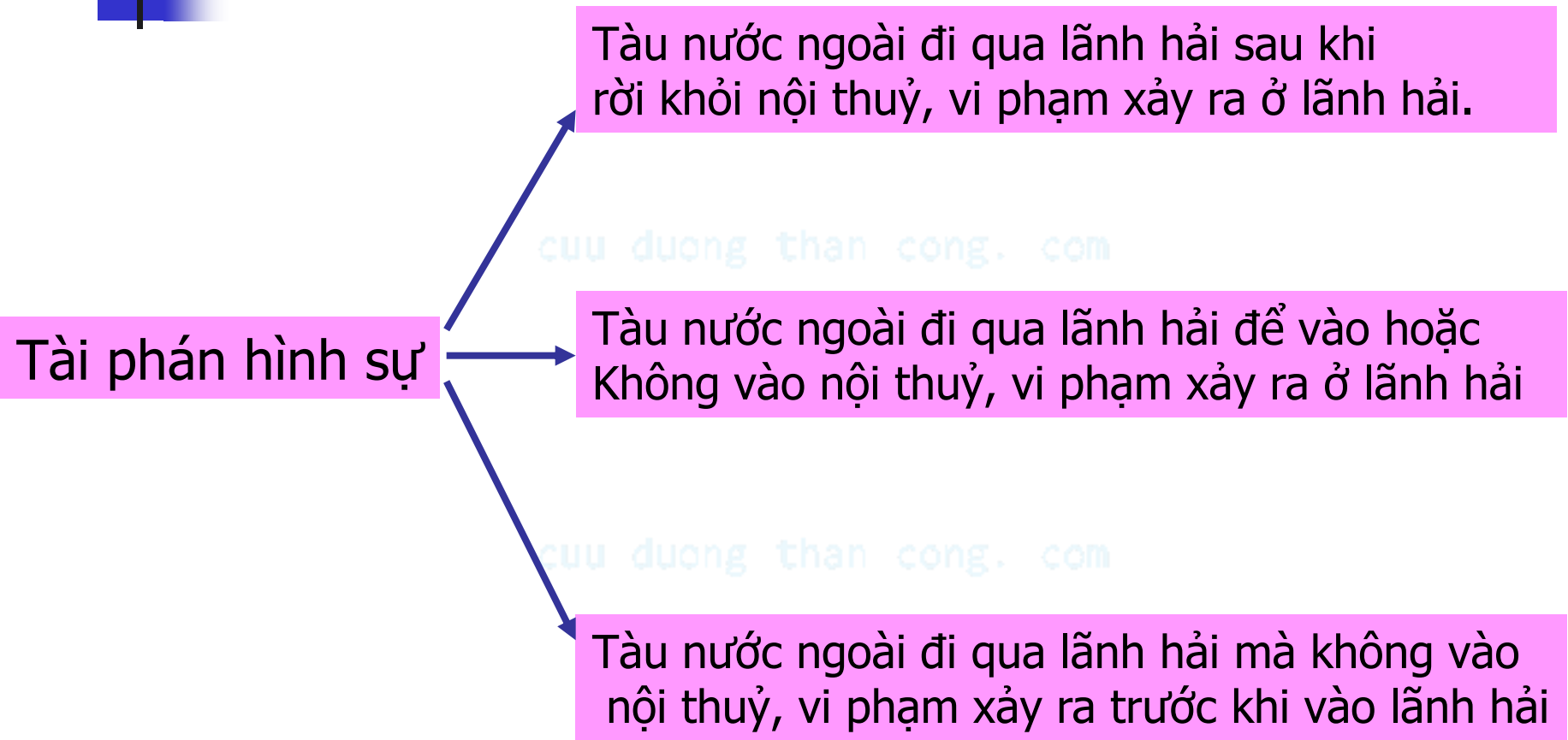
- Tàu quân sự và tàu nhà nước phi thương mại được hưởng quyền bất khả xâm phạm và quyền miễn trừ tư pháp tuyệt đối trong lãnh hải.
- Đối với tàu dân sự, tàu nhà nước sử dụng vào mục đích thương mại, quốc gia ven biển có quyền tài phán hình sự và tài phán dân sự.

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia

2. Lãnh hải

C- Chế độ pháp lý



B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

I- Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia

2. Lãnh hải

C- Chế độ pháp lý

- Tài phán dân sự: Quốc gia ven biển có quyền giải quyết các tranh chấp dân sự giữa các tàu buôn nước ngoài với nhau hoặc giữa các thành viên của tàu buôn nước ngoài đi qua lãnh hải sau khi rời khỏi nội thủy hoặc đang đậu trên lãnh hải của nước ven biển khi được yêu cầu. Trong các trường hợp khác, quốc gia ven biển không được quyền bắt tàu đó phải dừng lại hoặc thay đổi hành trình chỉ với mục đích xét xử dân sự đối với một thành viên trên tàu đó.

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

- Quyền chủ quyền: Là quyền của quốc gia ven biển đối với các vùng biển không thuộc về lãnh thổ quốc gia, nhưng được Luật quốc tế quy định thuộc quyền khai thác, bảo vệ và thuộc thẩm quyền tài phán của quốc gia đó.

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

1. Vùng tiếp giáp lãnh hải

a. Định nghĩa:

- Vùng tiếp giáp lãnh hải là vùng biển tiếp liền với lãnh hải và có chiều rộng không quá 24 hải lý kể từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải.

cuu duong than cong. com

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

1. Vùng tiếp giáp lãnh hải

b. Cách xác định

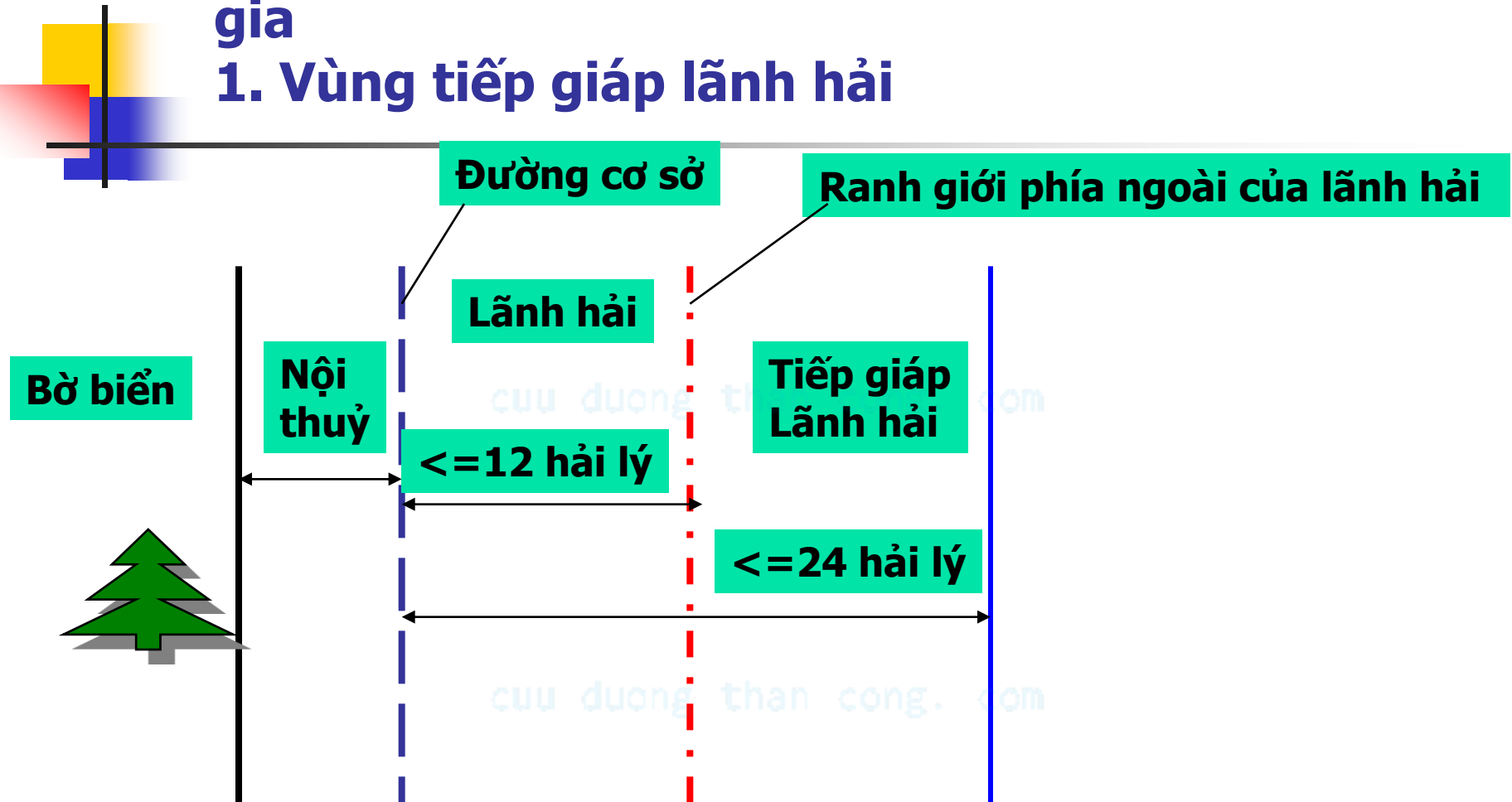
- Ranh giới phía trong của vùng tiếp giáp lãnh hải là ranh giới phía ngoài của lãnh hải
- Ranh giới phía ngoài của lãnh hải là đường song song với đường cơ sở, cách đường cơ sở một khoảng cách không quá 24 hải lý

cuu duong than cong. com

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

1. Vùng tiếp giáp lãnh hải



B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

1. Vùng tiếp giáp lãnh hải

c. Quy chế pháp lý

Trên vùng tiếp giáp lãnh hải, quốc gia ven biển có quyền

- Ngăn ngừa những vi phạm đối với các luật và quy định về hải quan, thuế khoá, y tế, hay nhập cư trên lãnh thổ hay trên lãnh hải của mình.
- Trừng trị những vi phạm đối với các luật và quy định xảy ra trong lãnh thổ hay trên lãnh hải của mình.

(Điều 33, Công ước 1982 về Luật Biển).

Thẩm quyền của quốc gia ven biển trong vùng tiếp giáp lãnh hải mang tính chất cảnh giác, bảo vệ cho các vùng khác.

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

2. Vùng đặc quyền kinh tế

a. Định nghĩa

- Vùng đặc quyền kinh tế là vùng biển nằm phía ngoài lãnh hải và tiếp liền với lãnh hải, đặt dưới một chế độ pháp lý riêng, theo đó các quyền và quyền tài phán của quốc gia ven biển và các quyền và quyền tự do của các quốc gia khác đều do các quy định thích hợp của Công ước điều chỉnh. (Điều 55, Công ước 1982 về Luật Biển)

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

2. Vùng đặc quyền kinh tế

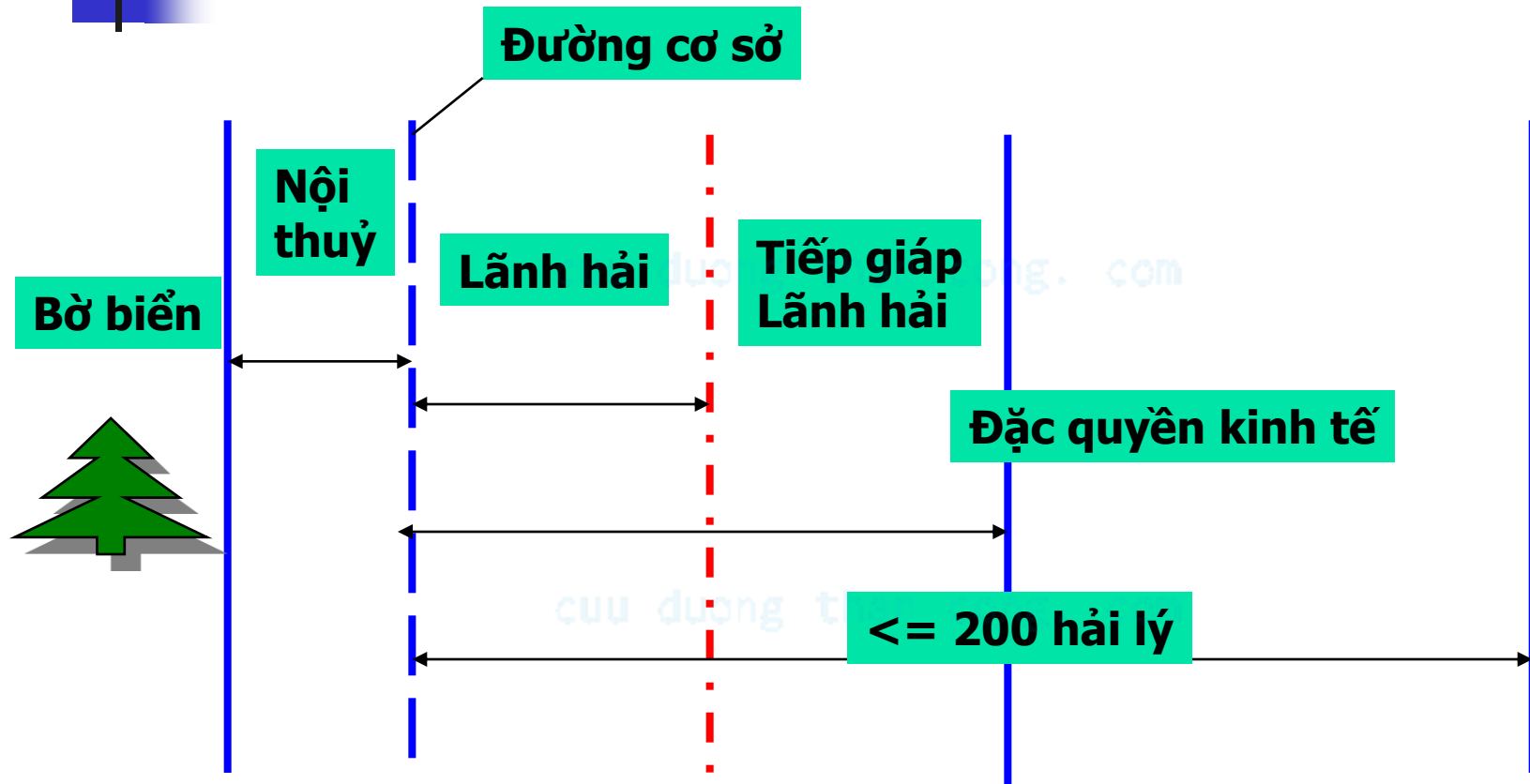
b. Cách xác định

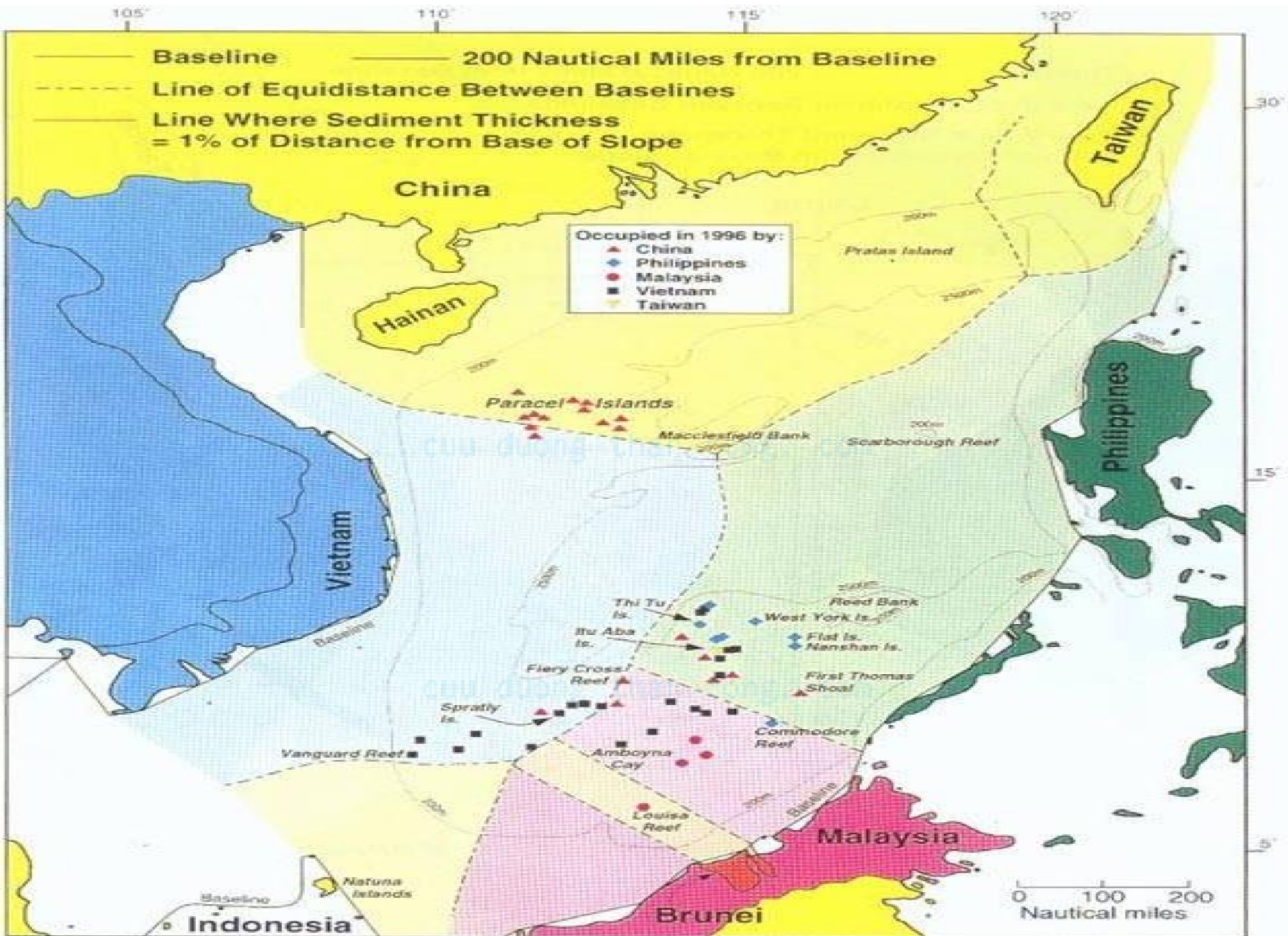
- Vùng đặc quyền kinh tế có chiều rộng không quá 200 hải lý tính từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải. (Điều 57)
- Ranh giới phía trong của vùng đặc quyền kinh tế là ranh giới phía ngoài của lãnh hải
- Ranh giới phía ngoài của vùng đặc quyền kinh tế là đường song song với đường cơ sở, cách đường cơ sở một khoảng cách không quá 200 hải lý

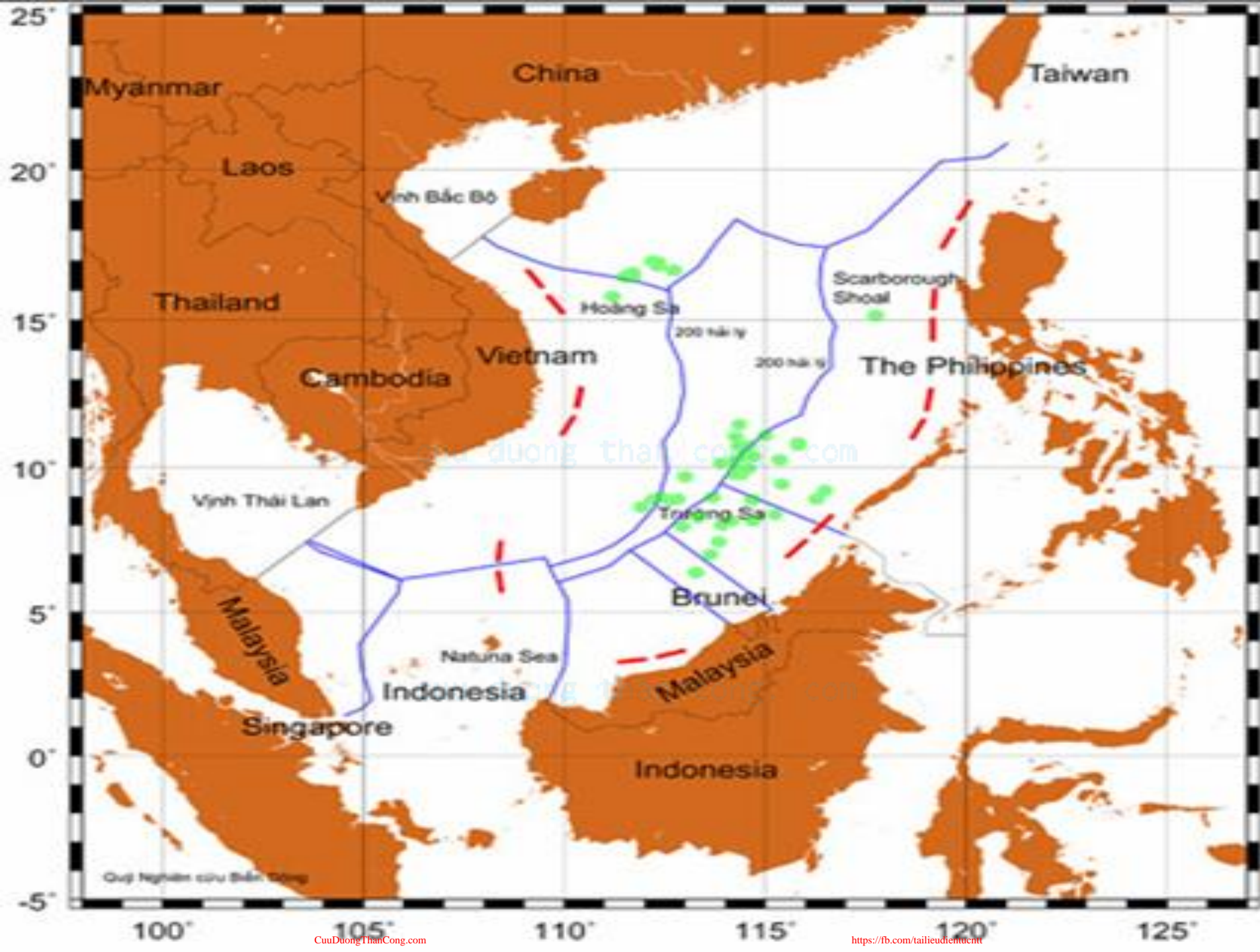
B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

2. Vùng đặc quyền kinh tế







B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

2. Vùng đặc quyền kinh tế

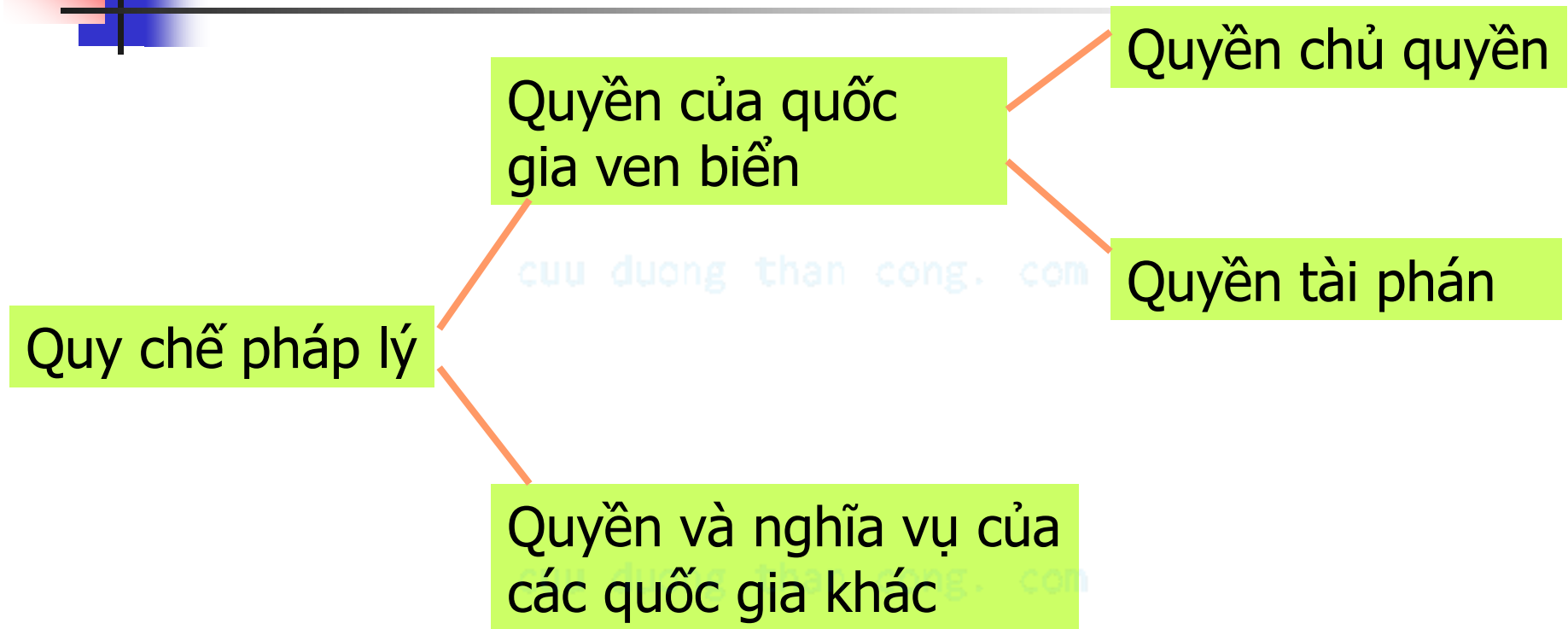
c. Quy chế pháp lý

- Vùng đặc quyền kinh tế nằm tiếp liền với lãnh hải nên quy chế pháp lý của nó cũng bao trùm lên quy chế pháp lý của vùng tiếp giáp lãnh hải.
- Vùng đặc quyền kinh tế không phải là vùng hiển nhiên thuộc về quốc gia ven biển ngay từ đầu mà phải được quốc gia ven biển thể hiện bằng một tuyên bố đơn phương, phù hợp với các quy định trong Công ước 1982 về Luật Biển.

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CÁC VÙNG BIỂN

II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

2. Vùng đặc quyền kinh tế



B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

2. Vùng đặc quyền kinh tế

c. Quy chế pháp lý

Quyền chủ quyền của quốc gia ven biển:

- Trong vùng đặc quyền kinh tế, quốc gia ven biển có quyền chủ quyền trong việc thăm dò, khai thác, bảo tồn và quản lý các tài nguyên thiên nhiên, sinh vật hoặc không sinh vật của vùng nước trên đáy biển, đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, cũng như về các hoạt động khác nhằm thăm dò và khai thác vùng này vì mục đích kinh tế. (Khoản 1 Điều 56).

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

2. Vùng đặc quyền kinh tế

c. Quy chế pháp lý

Quyền tài phán

Lắp đặt và sử dụng các đảo nhân tạo
Các thiết bị công trình

Nghiên cứu khoa học về biển

Bảo vệ và gìn giữ môi trường biển

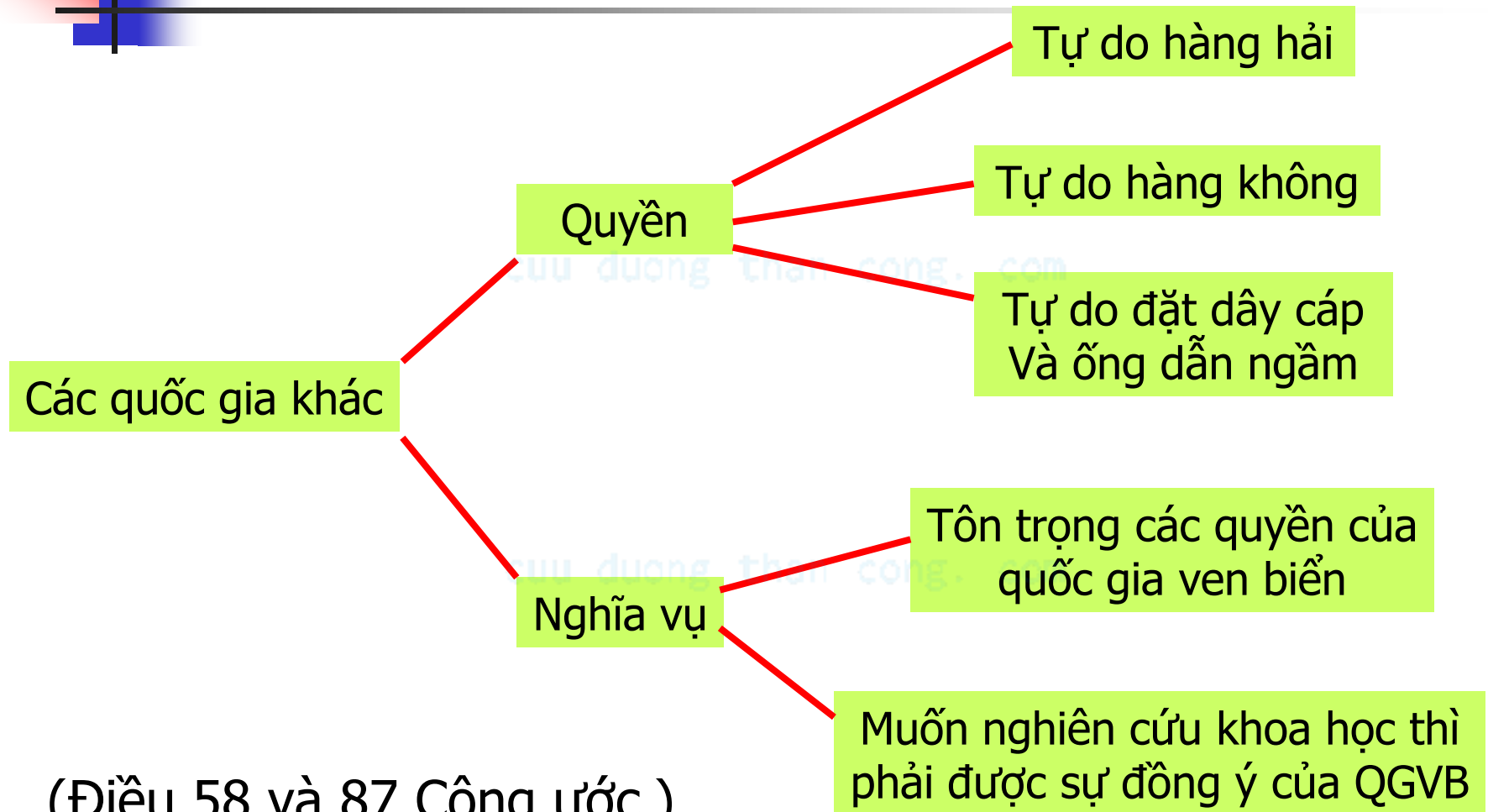
Khoản 2 Điều 56, Điều 60, 207, 208, khoản 5 Điều 210, 211 Công ước 1982 về Luật Biển.

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

2. Vùng đặc quyền kinh tế

c. Quy chế pháp lý



B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

2. Vùng đặc quyền kinh tế

c. Quy chế pháp lý

- Các quốc gia không có biển hoặc quốc gia bất lợi về địa lý

Các quốc gia không có biển hoặc bất lợi về địa lý có quyền tiến hành các hoạt động khai thác sẫm dư của khối lượng cá cho phép đánh bắt trong vùng đặc quyền kinh tế của quốc gia ven biển, thông qua các điều ước quốc tế hoặc các thoả thuận có liên quan. (Điều 69, 70 Công ước).

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

3. Thềm lục địa

a. Định nghĩa

Về mặt địa chất:

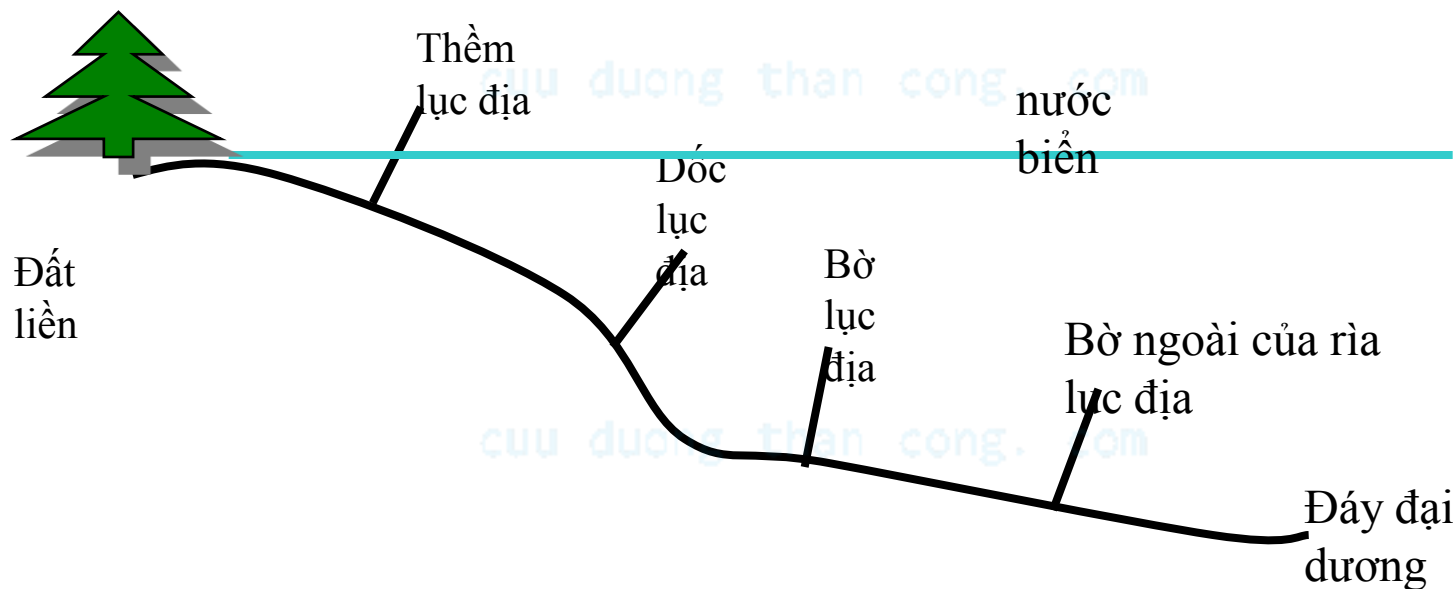
- Thềm lục địa là một bộ phận của lục địa. Đó là phần kéo dài ngập dưới nước của lục địa, bao gồm:
- Thềm lục địa: là phần tiếp liền với đất liền, có độ dốc thoải thoải trung bình $0,07 - 1^\circ$, thường kéo dài đến độ sâu khoảng 200m thì kết thúc.
- Dốc lục địa: là phần nằm giữa thềm lục địa và bờ lục địa, phân biệt với thềm lục địa bằng sự thay đổi độ sâu đột ngột, tạo thành một con dốc có độ nghiêng $4 - 5^\circ$, đôi khi lên tới 45° . Dốc thường đạt đến độ sâu 3000 – 4000m.
- Bờ lục địa: là vùng tiếp theo dốc lục địa khi độ dốc thoải thoải trở lại và kéo dài cho đến khi gặp đáy đại dương. Bờ lục địa thường kéo dài từ 50 đến 500km. Điểm tiếp giáp giữa bờ lục địa và đáy đại dương là bờ ngoài của rìa lục địa

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

3. Thêm lục địa

a. Định nghĩa



B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

3. Thềm lục địa

a. Định nghĩa

Về mặt pháp lý:

- Thềm lục địa của quốc gia ven biển bao gồm đáy biển và lòng đất dưới đáy biển nằm bên ngoài lãnh hải của quốc gia ven biển kéo dài cho đến bờ ngoài của rìa lục địa hoặc đến cách đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải là 200 hải lý khi bờ ngoài của rìa lục địa ở khoảng cách gần hơn. Trong trường hợp bờ ngoài của rìa lục địa kéo dài vượt quá 200 hải lý tính từ đường cơ sở thì thềm lục địa của quốc gia ven biển cũng không được vượt quá 350 hải lý tính từ đường cơ sở hoặc không được vượt quá 100 hải lý tính từ đường đẳng sâu 2500m”

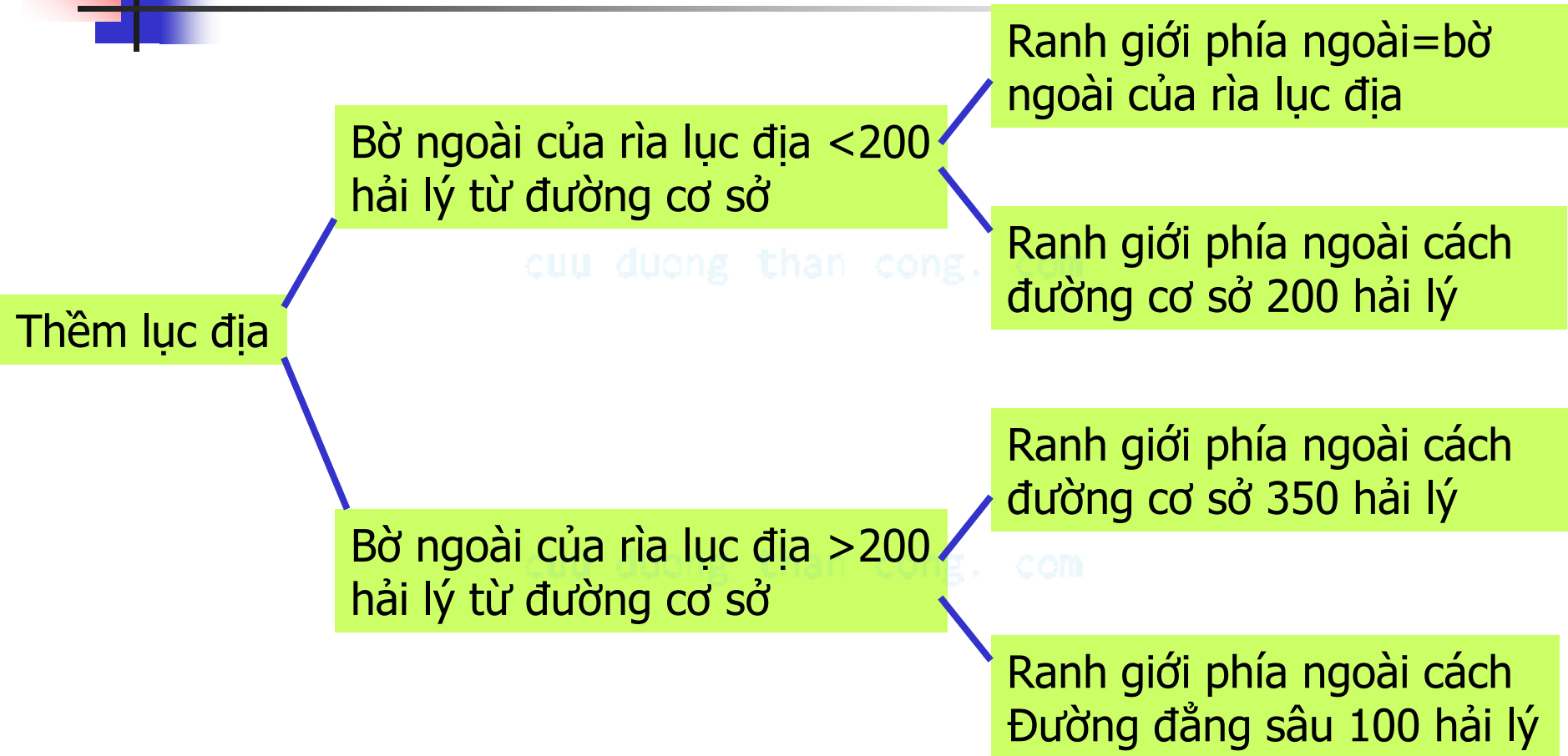
(Điều 76, Công ước 1982).

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

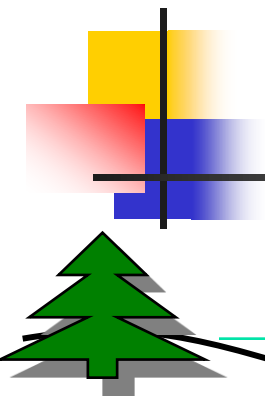
II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

3. Thêm lục địa

a. Định nghĩa



Khi bờ ngoài của rìa lục địa ≤ 200
hải lý kể từ đường cơ sở



Đường cơ sở

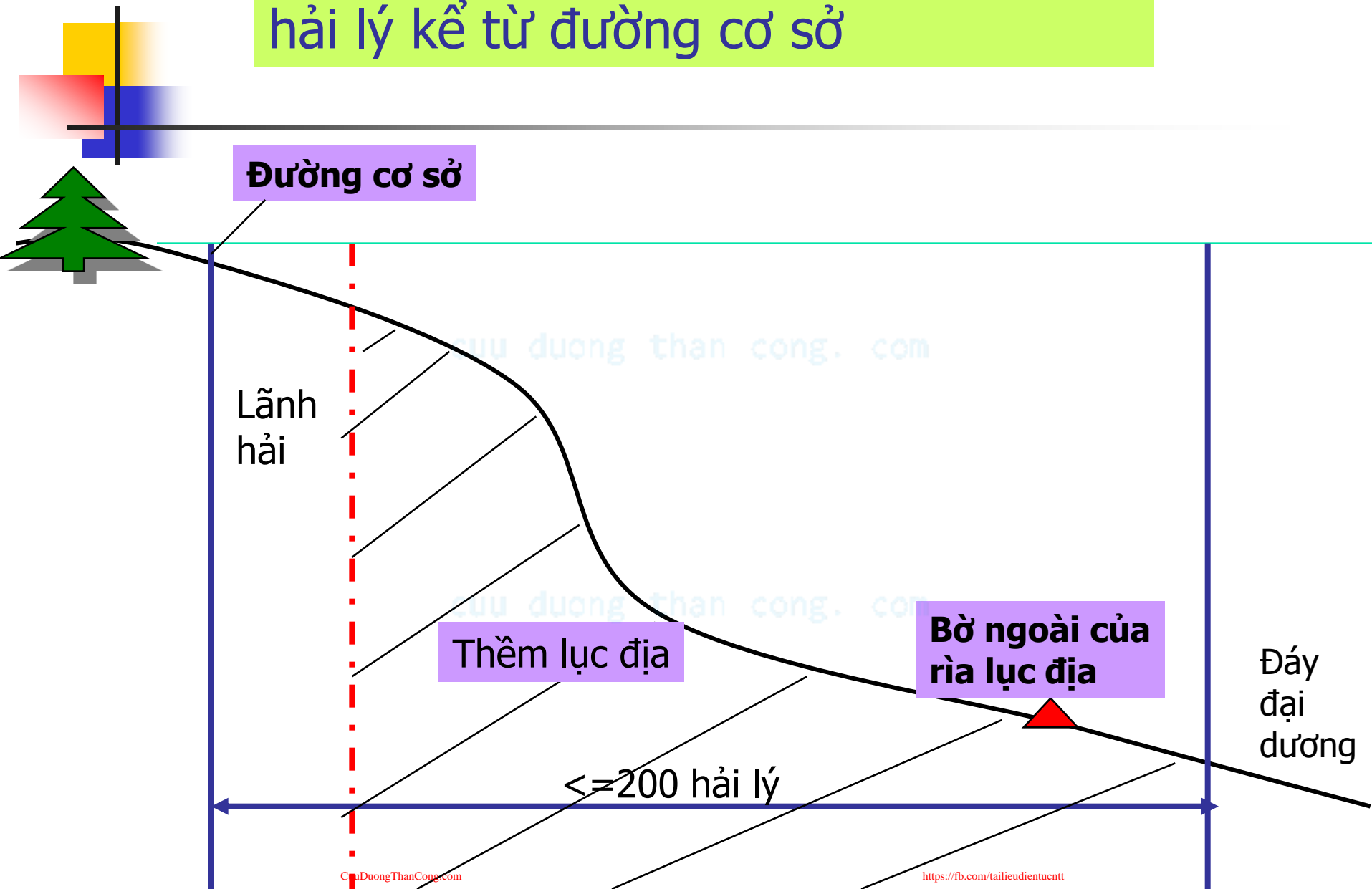
Lãnh
hải

Thềm lục địa

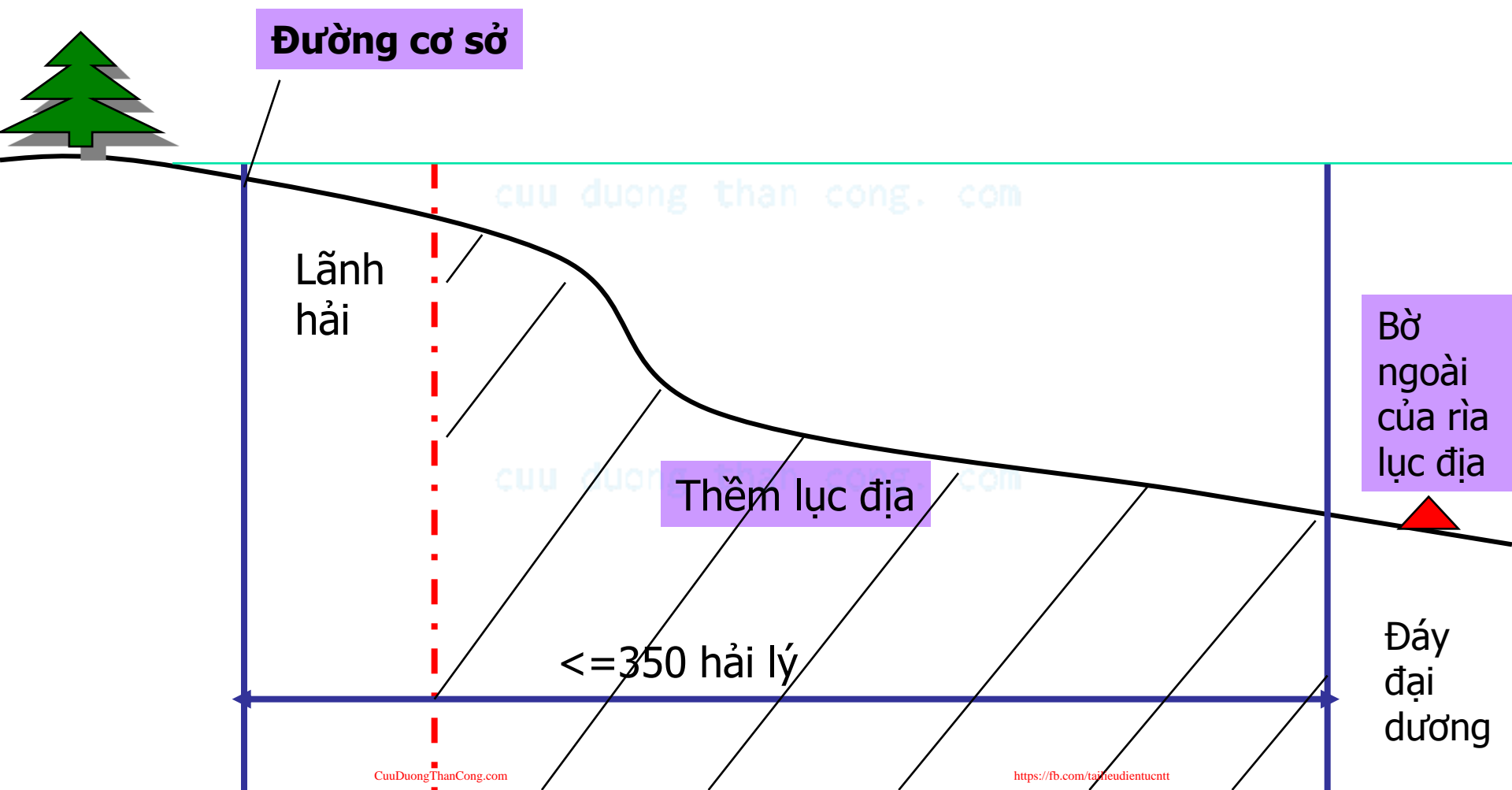
Bờ ngoài của
rìa lục địa

Đáy
đại
dương

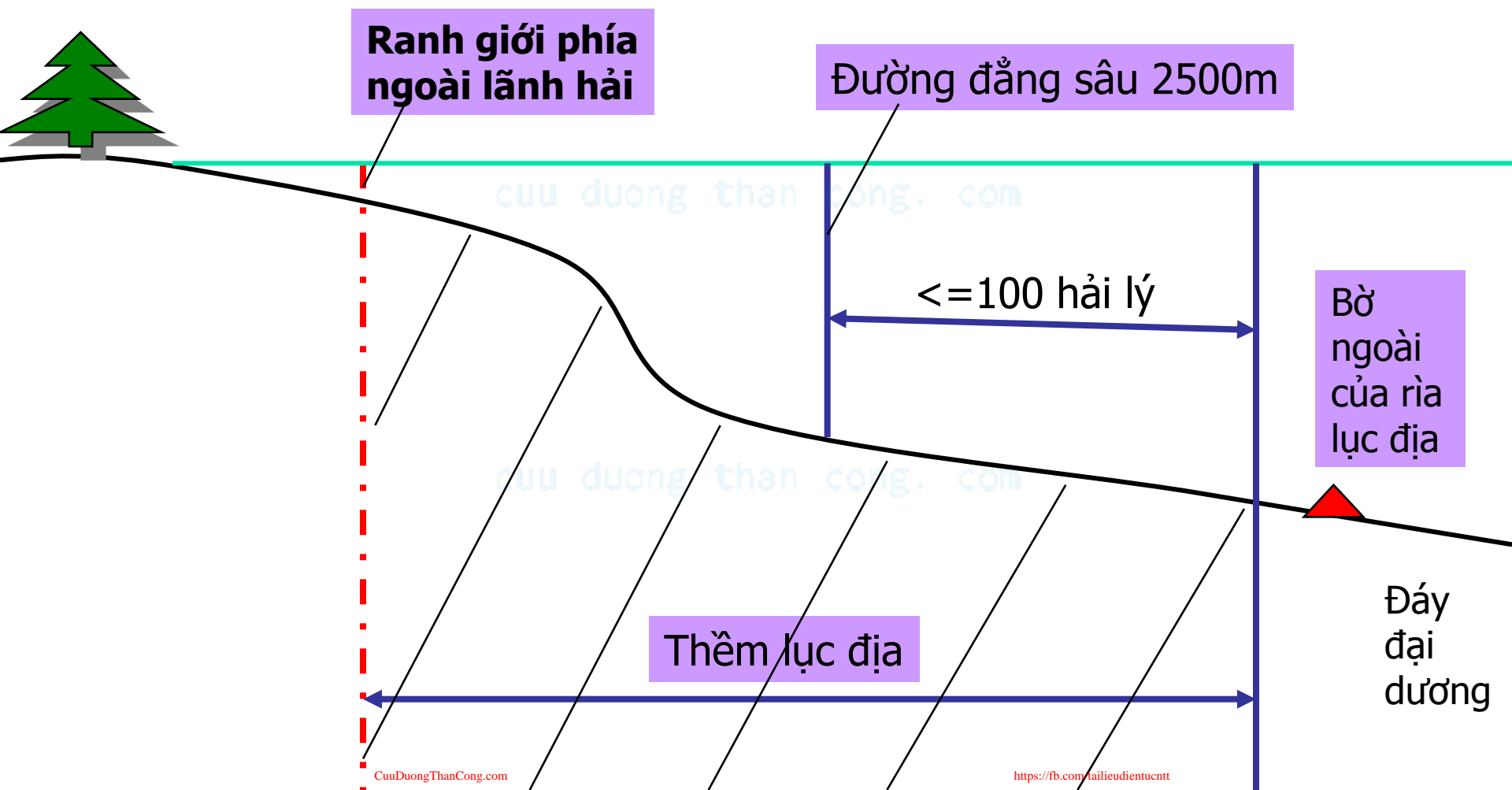
Khi bờ ngoài của rìa lục địa ≤ 200
hải lý kể từ đường cơ sở



Khi bờ ngoài của rìa lục địa >200
hải lý kể từ đường cơ sở



Khi bờ ngoài của rìa lục địa >200
hải lý kể từ đường cơ sở



B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

3. Thêm lục địa

b. Cách xác định

- Sau khi xác định chính xác các tọa độ xác định giới hạn thêm lục địa, các quốc gia ven biển có nghĩa vụ gửi bản đồ và các tài liệu liên quan, kể cả các dữ kiện trắc địa, cho Tổng thư ký Liên Hợp Quốc để công bố các tài liệu này cho tất cả các nước thành viên.
- ➔ Thêm lục địa có thể nằm trùng với đáy biển và lòng đất dưới đáy biển của vùng đặc quyền kinh tế (Trong trường hợp bờ ngoài của rìa lục địa ≤ 200 hải lý), hoặc có một phần trùng với vùng này (khi bờ ngoài của rìa lục địa > 200 hải lý).

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

3. Thềm lục địa

c. Quy chế pháp lý của thềm lục địa

Tính chất pháp lý

- Thềm lục địa đương nhiên thuộc về quốc gia mà không cần bất kỳ sự tuyên bố, chiếm hữu thật sự hay danh nghĩa nào.

Khoản 3 Điều 77 Công ước 1982

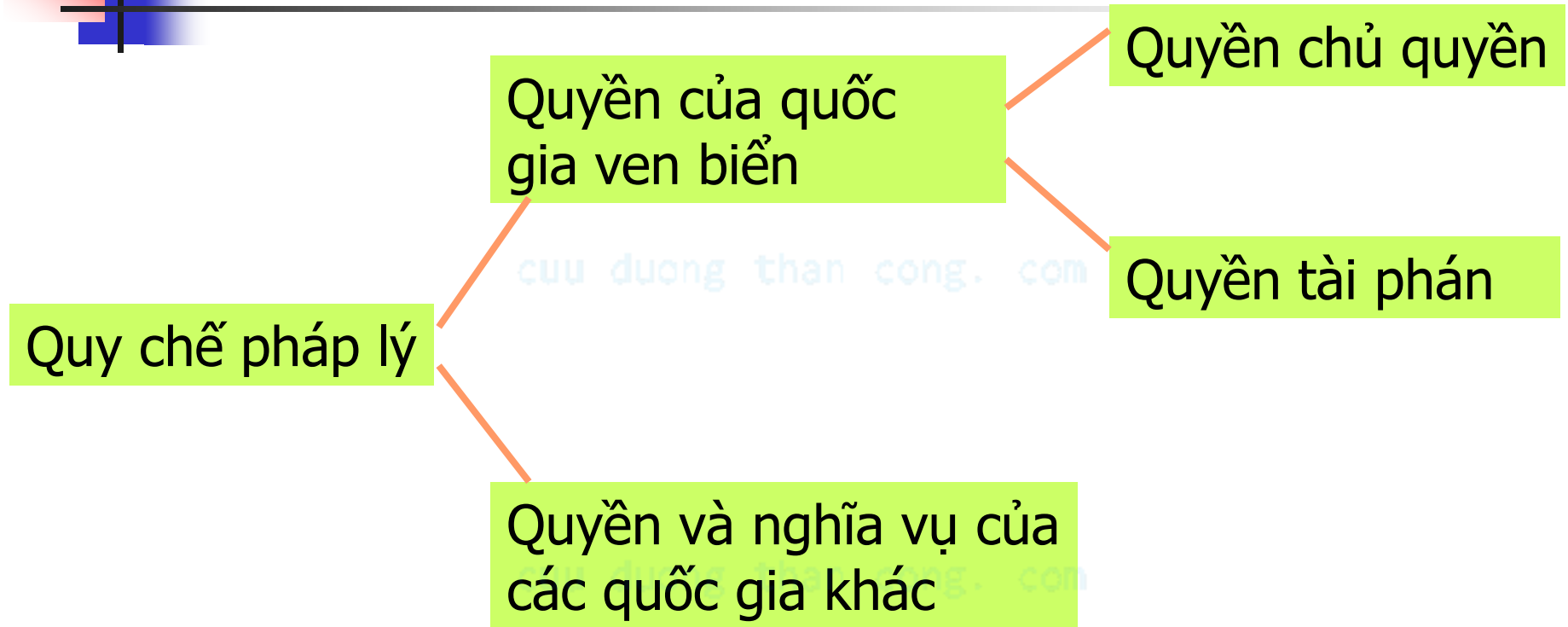
cuu duong than cong. com

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CÁC VÙNG BIỂN

II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

2. Thêm lục địa

c. Quy chế pháp lý



B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

3. Thềm lục địa

c. Quy chế pháp lý của thềm lục địa

Các quyền và nghĩa vụ của quốc gia ven biển

Quyền

- Thực hiện các quyền chủ quyền đối với thềm lục địa trong việc thăm dò, khai thác các tài nguyên thiên nhiên (Điều 77)
- Đặc quyền cho phép và điều chỉnh việc khoan ở thềm lục địa với bất kỳ mục đích nào. (Điều 81)
- Tiến hành hoặc áp dụng các biện pháp thích hợp để bảo vệ môi trường
- Xây dựng, cho phép và quy định thể thức, điều kiện xây dựng, khai thác, sử dụng các đảo nhân tạo (Điều 80)
- Có quyền tài phán đối với dây cáp và ống dẫn được đặt hoặc sử dụng trong khuôn khổ của việc thăm dò thềm lục địa của mình, hoặc của việc khai thác các đảo nhân tạo, các thiết bị hay công trình thuộc quyền tài phán của quốc gia này. (Điều 79, Khoản 4).

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

3. Thềm lục địa

c. Quy chế pháp lý của thềm lục địa

Nghĩa vụ

- Không được cản trở các quyền tự do của các quốc gia khác trong vùng nước phía trên và vùng trời phía trên vùng nước đó. (Điều 78).
- Không được cản trở các quốc gia khác đặt dây cáp và ống dẫn ngầm trên thềm lục địa trừ trường hợp để ngăn ngừa và hạn chế ô nhiễm do ống dẫn ngầm gây ra. (Điều 79)
- Quốc gia ven biển khai thác các tài nguyên thiên nhiên nằm ngoài 200 hải lý kể từ đường cơ sở thì phải nộp các khoản đóng góp bằng tiền hoặc hiện vật. (Điều 82).

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

3. Thêm lục địa

c. Quy chế pháp lý của thêm lục địa

Các quyền và nghĩa vụ của quốc gia khác:

Quyền:

- Tự do hàng hải
- Tự do hàng không
- Tự do đặt dây cáp và ống dẫn ngầm
- Tự do đánh bắt cá và nghiên cứu khoa học đối với lớp nước phía trên nằm ngoài vùng đặc quyền kinh tế

(Điều 78, Công ước 1982).

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

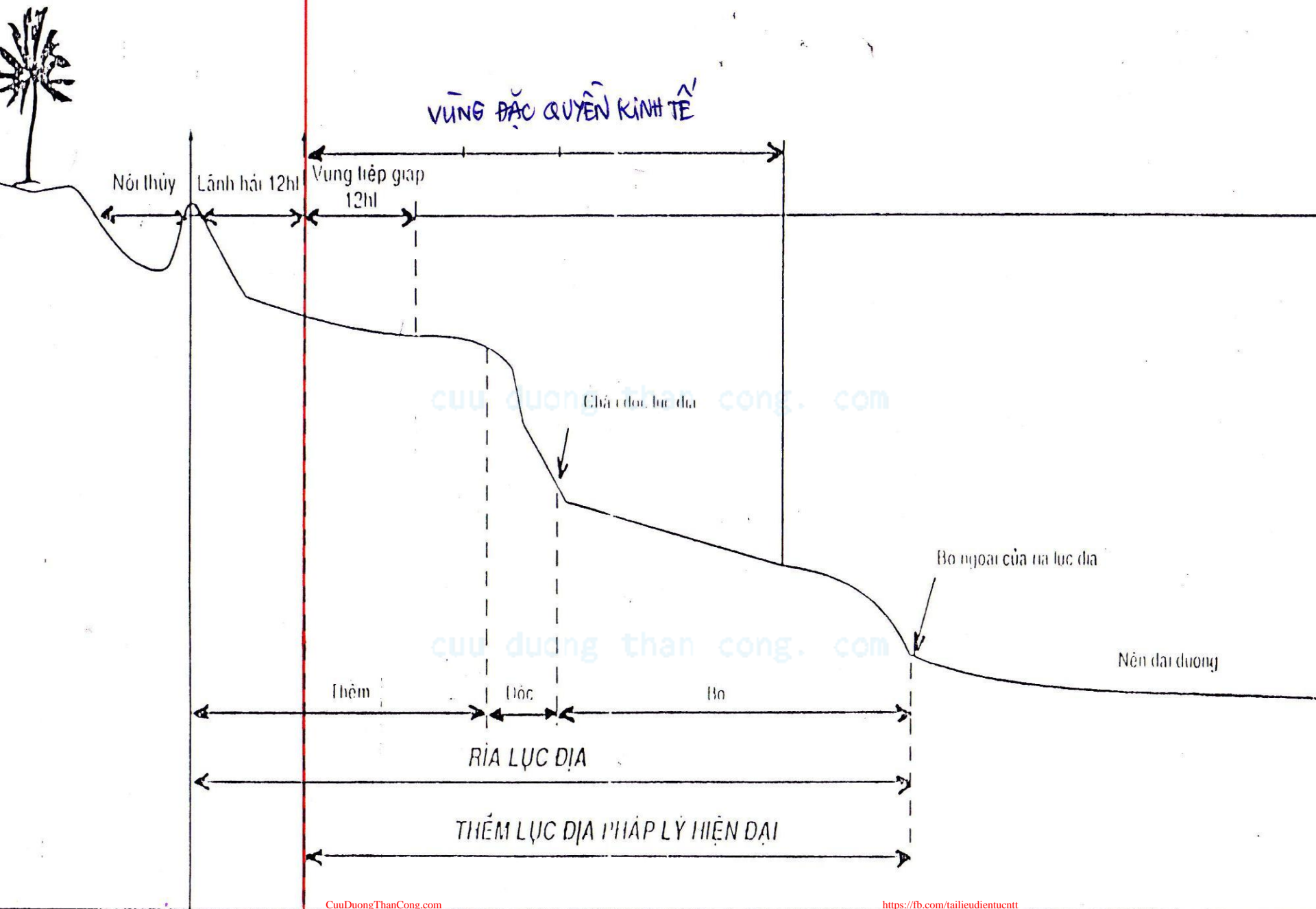
II- Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

3. Thềm lục địa

c. Quy chế pháp lý của thềm lục địa

Nghĩa vụ:

- Tôn trọng các quyền chủ quyền của quốc gia ven biển đối với khu vực thềm lục địa của họ.
- Khi đặt các dây cáp và ống dẫn ngầm, các quốc gia phải tính đến các dây cáp và ống dẫn ngầm đã được đặt trước đó. Cần chú ý không làm phương hại đến khả năng sửa chữa các đường dây cáp và ống dẫn ngầm đó.(Điều 79, Khoản 5)



B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

III. Các vùng biển theo chế độ pháp lý quốc tế

1. Biển quốc tế

a. Khái niệm

- Biển quốc tế là tất cả những vùng biển không thuộc vùng đặc quyền kinh tế, lãnh hải hay nội thủy của một quốc gia nào cũng như không nằm trong vùng nước quần đảo của quốc gia quần đảo.

(Điều 86, Công ước Luật Biển 1982; Giáo trình trang 199)

cuu duong than cong. com

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

III. Các vùng biển theo chế độ pháp lý quốc tế

1. Biển quốc tế

b. Chế độ pháp lý

- Vùng biển quốc tế được để ngỏ cho mọi quốc gia dù có biển hay không có biển.
- Tất cả tàu thuyền trên vùng biển quốc tế đều có địa vị pháp lý ngang nhau.
- Các tàu quân sự của các quốc gia được quyền khám xét, bắt giữ các tàu thuyền khác trên biển quốc tế nếu nghi ngờ chiếc tàu đó tiến hành cướp biển, chuyên chở nô lệ, dùng vào các cuộc phát sóng không được phép, không có quốc tịch hoặc không treo quốc kỳ của quốc gia nào...

(Phần VII, Công ước 1982; Giáo trình, trang 199 – 200)

B. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ CỦA CÁC VÙNG BIỂN

III. Các vùng biển theo chế độ pháp lý quốc tế

2. Vùng (Zone)

a. Khái niệm

- Vùng là toàn bộ đáy biển và lòng đất dưới đáy biển nằm bên ngoài giới hạn thẩm quyền tài phán của quốc gia.

b. Chế độ pháp lý của Vùng

- Vùng và tài nguyên của vùng là di sản chung của nhân loại. Mọi hoạt động trong Vùng phải được tổ chức một cách có hiệu quả dưới sự điều hành của một tổ chức quốc tế, tuân theo pháp luật và tập quán quốc tế. Vùng phải được sử dụng vào các mục đích hoà bình và an ninh quốc tế...

(Điều 131 -> 141, Công ước Luật Biển 1982, giáo trình trang 200).